

Kinh Thánh thì "đến bây giờ vẫn còn thuộc", nhưng ông không cho các con ông tham gia các hội đoàn Công giáo. "Anh biết bố anh hoạt động cho cách mạng từ lúc nào?". Người con trai của ông kể: "Chúng tôi đi học về, ông bắt ở nhà, không cho giao du với ai hết. Mục đích duy nhất của chúng tôi chỉ là học thôi. Ông rất ghét Mỹ nên trong nhà không bao giờ xài đồ Mỹ. Buổi tối xem ti vi, ông chỉ cho chúng tôi coi phim hoặc văn nghệ, đến chỗ Nguyễn Văn Thiệu phát biểu hay các chương trình về quân đội ông tắt máy không cho coi. Một hôm tôi đã nhìn thấy ông viết tài liệu lên những tờ giấy dầu màu vàng, viết bằng nước trà. Viết nước trà lên giấy đó không nhìn thấy chữ, sau này tôi biết là phải dùng hóa chất mới đọc được. Mẹ tôi dặn tuyệt đối không được nói với ai chuyện này. Năm đó tôi 12 tuổi".



Bà Ngô Thị Xuân.

"Anh có giúp gì cho bố anh không?". "Năm tôi 13 tuổi, một hôm ông đem một máy chụp hình hiệu Canon về kèm theo một hộp tráng phim và thuốc tráng phim. Tôi còn nhớ hôm đó ông đem tập tài liệu "hồ sơ trận liệt" về hướng dẫn tôi chụp từng trang một. Ông lấy một thùng carton, kẹp tài liệu trên thành đứng của nó, máy ảnh đặt trên ba chân chống, ống kính cách tài liệu 40 cm, một bóng đèn rọi vào tài liệu từ phía sau. Bé Hạnh, em gái tôi, lấy hai tay căng tờ giấy cho thẳng ra, tôi chụp xong tờ nào thì bé Hạnh rút ra tờ đó, cứ thế chụp cho đến khi nào hết tập tài liệu... Chụp xong, ông hướng dẫn tôi cách tráng phim".

Liên quan đến tính cẩn thận của ông Ba Quốc, anh con trai kể tiếp: "Lần tráng phim đầu tiên, tôi nhớ đó là ngày thứ bảy, tài liệu chưa gửi đi, ông bảo tôi kiểm tra độ nét của tài liệu mà chúng tôi chụp. Ông lấy tấm thẻ quân nhân của ông cậu tôi, bảo tôi chụp, rồi cắt phim mang ra tiệm chụp hình Chí Mỹ ở đường Hai Bà Trưng coi thử có rõ không. Ông chủ tiệm là ông Nguyễn Chí Bửu, có một con trai học cùng lớp với tôi tên là Nguyễn Chí Xuân, anh ta có một đứa em gái tên Nguyễn Thị Thu, tôi chơi rất thân với cô Thu. Tôi đem phim ra nhờ cô Thu rọi, thì đọc được, nhưng hơi mờ. Tôi nghĩ tấm thẻ đó chữ in lớn mà còn mờ, chắc là tài liệu chụp xong sẽ rất khó đọc. Nghĩ vậy nên trưa hôm đó, tôi cắt một đoạn phim chụp tài liệu mang đến tiệm Chí Mỹ, tôi cùng với cô Thu vào rọi trong phòng tối. Khi cô Thu sấy hình, đang đợi cho khô, thì bố tôi đi vespa chạy tới, bảo tôi thu lại tất cả mang về, không để ai nhìn thấy. Hôm đó phim chụp đọc được, nhưng hơi nhòe. Ông phải mua thêm một ống kính... Đến giờ tôi vẫn còn nhớ cái tiệm chụp hình đó. Sau giải phóng ông Nguyễn Chí Bửu về Tây Ninh, cũng mở tiệm chụp hình lấy tên Chí Mỹ, có thời gian vướng phải chuyện rắc rối, cô Thu có gửi thư cho tôi. Thời gian đó bố tôi đi công tác xa. Đến năm 1990, bố tôi về lại thành phố, nhắc lại tiệm chụp hình Chí Mỹ, ông hỏi bây giờ họ ở đâu để ông lên thăm...".

Anh con trai thứ ba này của ông Ba Quốc chuyện gì cũng nhớ, anh nói chuyện này thì liên tưởng đến chuyện kia, chuyện gì cũng có tình người. Anh không những nhớ tới cô Thu mà còn nhớ hồi học

lớp năm, lớp tư, lớp ba (lớp 1, lớp 2, lớp 3 bây giờ), khi ấy ông Hoàng Ngọc Điệp (Phó giám đốc Sở Nghiên cứu chính trị, "cha đỡ đầu" của ông Ba Quốc) không có vợ con, nuôi hai người cháu, một người tên là Hào, một người tên là An, học chung lớp với anh, hằng ngày ông Điệp cho lái xe đưa ba anh em đi học, những năm đó anh thường xuyên lui tới nhà ông Điệp. Anh nhớ tới người quản gia của ông Điệp là cô Lý, thỉnh thoảng vẫn dúi tiền cho anh ăn quà. Ông Điệp thì đã chết, hình như vào năm 1976, còn cô Lý, Hào, An không biết giờ đây đang ở đâu...

(Còn tiếp)  
HOÀNG HÁI VÂN - TẤN TÚ  
(Báo **Thanh niên**)

\* Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 17): "Ngõ cụt" trên đường học vấn của hai người con ở miền Bắc

- 
- ✓ Những ngôi nhà đoàn kết giúp phụ nữ nghèo Điện Biên (8-3)
  - ✓ Tinh thần Điện Biên Phủ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta (8-3)
  - ✓ Chuyện ở Thanh Khê (8-3)
  - ✓ Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 17): "Ngõ cụt" trên đường học vấn của hai người con ở miền Bắc (8-3)
  - ✓ Chuyện về một gia đình anh hùng (6-3)
  - ✓ Gương hy sinh, tinh thần Tô Hiệu (6-3)
  - ✓ Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (5-3)
  - ✓ Công tác tư tưởng phải trở thành nguồn vốn xã hội góp phần tích cực thúc đẩy sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (5-3)
  - ✓ Ngành cơ khí chế tạo trong điều kiện kinh tế tri thức (2-3)
  - ✓ Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (2-3)

[< Quay lại](#)     [^ Về đầu trang](#)

# Nhan Dan

ENGLISH
Trang chính
Thời sự
Việt Nam
Quốc tế
Đời sống
Pháp luật
Khoa giáo
Văn hóa
Thể giới
Thể thao
Hộp thư bạn đọc

Sự kiện | Người tốt việc tốt | Giao thông | Con cháu Lạc Hồng | Ý kiến |  
 Cập nhật 0:0 ngày 30-12-1899

Tìm kiếm

Tìm kiếm

## Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 16): Khi người thân vào Nam "làm tay sai cho địch"



Đại tướng Lê Đức Anh với Thiếu tướng Đặng Trần Đức.

Chúng ta thường nghe đây đó những câu chuyện về các nhà tình báo của chúng ta được cử đi "theo địch" vào Nam hoạt động, vợ con ở ngoài Bắc phải chịu cảnh éo le, vì có chồng, có cha "làm tay sai cho địch". Họ mang một bản lý lịch không trong sạch, bị chính quyền địa phương hoặc đơn vị công tác phân biệt đối xử, con cái không được học hành, vì hồi đó những người có lý lịch "không trong sạch", "không rõ ràng" thì khó mà học lên đại học.

Những người có trách nhiệm chỉ đạo hoạt động tình báo nhiều khi vẫn biết gia đình đồng đội của mình bị rơi vào hoàn cảnh như vậy nhưng đành phải "căn răng" không can thiệp, vì nếu can thiệp thì sẽ không giữ được bí mật, rất nguy hiểm cho người tình báo.

Gia đình ông Ba Quốc ở miền Bắc cũng chịu một số phận như vậy. Chúng tôi đã gặp người con trai của ông Ba Quốc và bà Phạm Thị Thanh. Anh năm nay đã ngoài 50 tuổi và cũng là một cán bộ quân đội. Anh bảo: "Hồi đó sau khi bố tôi đi họp về, bảo với mẹ tôi rằng: Anh phải đi, 2 năm nữa sẽ về. Bố cũng nói với mẹ về chuyện cô Xuân, mẹ bảo vì nhiệm vụ của bố nên chấp nhận. Thế rồi không phải 2 năm mà đến 20 năm sau bố mới trở về".



Ông Ba Quốc và bà Phạm Thị Thanh - Ảnh chụp năm 2000.

Khi ông Ba Quốc vào Nam, bà Thanh đang làm việc tại công trường xây dựng Nhà máy In Tiến Bộ. Anh kể tiếp: "Mẹ tôi đang làm ở đó

**Nhan Dan**  
 Tổng biên tập  
 ĐINH THẾ HUYNH  
 Vài nét về báo  
 Nhân Dân  
 Sitemap  
 Fonts tiếng Việt

thì bị đưa lên Phú Thọ, nơi đây rừng núi âm u lắm. Ban đầu bà làm cấp dưỡng cho một đơn vị, sau đó chuyển qua Nông trường chè Vân Lĩnh. Lúc đó tôi nghe nhiều thông tin về bố tôi, có người bảo bố tôi chết rồi, có người bảo bố tôi theo giặc. Mẹ tôi cũng giấu không nói bố tôi đi đâu. Chị em chúng tôi không biết gì cả. Mãi đến sau này, khi mẹ tôi bị một trận ốm rất nặng, tưởng không qua khỏi, bà mới gọi chúng tôi lại bảo rằng bố chúng tôi đi B".

Chúng tôi hỏi cuộc sống của gia đình hồi đó như thế nào, anh nhớ lại: "Lên nông trường mẹ tôi khổ lắm. Lương thì ít ỏi mà phải nuôi ba miệng ăn. Mẹ tôi là con gái Hà Nội, được học hành tử tế, vậy mà lên đến Vân Lĩnh phải làm đủ thứ công việc, từ cuốc đất trồng chè, giữ kho quần áo bảo hộ lao động và nhiều công việc nặng nhọc khác. Mà ăn uống thì có bao giờ đủ no đâu. Cả ba mẹ con chúng tôi chỉ trông vào một suất gạo của mẹ, nên ăn sắn ăn khoai là trường kỳ, thậm chí có thời gian cả tháng trời phải ăn sắn. Tôi nhớ một lần chị tôi đi tập huấn bắn súng, vì chị tôi có năng khiếu thể thao, chị tôi tiết kiệm được mang về một ít gạo. Các anh có tưởng tượng được không, chúng tôi chỉ nấu lên chưa ăn đã thấy ngon, rồi ăn tới đâu tính người tới đấy. Chưa hết đâu, ngay cả quần áo chúng tôi cũng không đủ để mặc, nên nhiều khi mẹ tôi và chị tôi phải mặc chung đồ của nhau. Mẹ tôi bị nông trường phê bình rất nhiều về việc mặc chung đồ với con gái, nhưng bà phải chịu thôi, vì quá nghèo biết làm thế nào được, cái ăn còn không đủ thì lấy đâu cái mặc".



*Bà Phạm Thị Thanh (ngoài cùng bên phải) lúc còn trẻ.*

Nhớ lại những chuyện đã xảy ra, đã lâu lắm rồi mà anh tưởng như vừa mới xảy ra. Anh nói tiếp: "Hồi ấy gần chỗ chúng tôi ở có một cái căn-tin, thấy người ta ăn phở chúng tôi thèm lắm. Nhưng phở đối với chúng tôi là cả một vấn đề. Có lần thèm quá chúng tôi về xin mẹ, mẹ không có tiền, nhưng thương con bà cũng tìm được cho chúng tôi. Tiền mẹ cho chỉ đủ mua một tô phở thôi. Thế là hai chị em hăm hở đến căn-tin xếp hàng, đến lượt chị tôi mua thì đồng xu do chen lấn đã rơi đâu mất. Chúng tôi buồn bã quay về nhà nói với mẹ. Mẹ bảo hai chị em về nhà đi, đợi mẹ. Chúng tôi vừa buồn vừa sợ. Rồi mẹ về, mẹ chỉ khóc thôi. Cho đến bây giờ chúng tôi vẫn không hiểu vì sao cuộc sống của chúng tôi lại cơ cực đến vậy".

"Còn chuyện ở, cũng nhiều khê lắm, cực kỳ tạm bợ. Một lần, lúc đó tôi đã lớn rồi, về nhà tôi thấy áo quần đồ đạc bị bỏ ra ngoài sân. Người ta lấy lại chỗ ở đó. Nếu muốn lấy lại nhà thì người ta chỉ cần bỏ đồ đạc của chúng tôi ngoài sân. Lúc bấy giờ mẹ con tôi lại lóc cóc, người ta chỉ đến đâu thì đến đó. Thời gian ấy có năm mẹ con tôi phải chuyển đi đến 4 lần. Bởi vì chỗ ở là của nông trường, hễ có một ai đó xây dựng gia đình, người ta lại "mời" mẹ con tôi đi chỗ

khác lấy chỗ cho vợ chồng mới cưới ở, họ bảo mình tới đâu thì mình tới đó", anh nhớ lại.

Chúng tôi cũng đã gặp chị Đặng Thị Châu Giang, người con gái đầu của ông Ba Quốc. Nói thêm về chuyện nhà cửa, chị Giang bảo: "Nhà của mẹ con tôi hồi ấy không có cửa nẻo gì hết, chui ra chui vô bất cứ chỗ nào cũng được. Phía trên trời nắng thì không sao, còn trời mưa thì ba mẹ con cứ căng tấm nilon lên, dõn vào một cái giường. Cái giường là vật đáng giá nhất của mẹ con tôi, tính ra trị giá khoảng 15 ngàn đồng bấy giờ".

Sống trong một hoàn cảnh như thế, bà Thanh đã có một bản lĩnh đáng nể. Anh Trần Sơn, chồng chị Giang, cũng là một cán bộ quân đội về hưu, nói về mẹ vợ của mình: "Bà là người tuyệt vời lắm. Kiếm một phụ nữ như thế là hơi khó đó, không phải bà là mẹ vợ của tôi mà tôi nói vậy đâu...".

(còn tiếp)  
HOÀNG HẢI VÂN - TẤN TÚ  
(Báo **Thanh niên**)

- ✓ Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 18): Tình báo cha và tình báo con (9-3)
- ✓ Những ngôi nhà đoàn kết giúp phụ nữ nghèo Điện Biên (8-3)
- ✓ Tinh thần Điện Biên Phủ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta (8-3)
- ✓ Chuyện ở Thanh Khê (8-3)
- ✓ Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 17): "Ngõ cụt" trên đường học vấn của hai người con ở miền Bắc (8-3)
- ✓ Chuyện về một gia đình anh hùng (6-3)
- ✓ Gương hy sinh, tinh thần Tô Hiệu (6-3)
- ✓ Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (5-3)
- ✓ Công tác tư tưởng phải trở thành nguồn vốn xã hội góp phần tích cực thúc đẩy sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (5-3)
- ✓ Ngành cơ khí chế tạo trong điều kiện kinh tế tri thức (2-3)

< Quay lại      ^ Về đầu trang

# Nhân Dân

ENGLISH
Trang chính
Thời sự
Đời sống
Kinh tế
Đời sống
Pháp luật
Khoa giáo
Văn hóa
The giới
Thể thao
Hộp thư bạn đọc

**Sự kiện** | Người tốt việc tốt | Giao thông | Con cháu Lạc Hồng | Ý kiến |  
 Cập nhật 14:5 ngày 10-03-2004

Tìm kiếm

Tìm kiếm

## Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 19): Kỹ thuật truyền tin

Là một trong hai nhà tình báo vừa được phong quân hàm cấp tướng vừa được phong danh hiệu anh hùng, nhưng tên tuổi của ông đến nay vẫn chưa hề xuất hiện trên sách báo. Cuộc đời ông là một chuỗi dài những chuyện hào hùng gay cấn xuyên suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và chiến tranh bảo vệ biên giới của Tổ quốc, trong đó có hơn 20 năm hoạt động đơn độc giữa Sài Gòn. Đồng đội gọi ông là Ba Quốc, còn trong giấy tờ, ông là Đặng Trần Đức, Thiếu tướng anh hùng quân đội nhân dân Việt Nam, năm nay đã 83 tuổi.

Trước khi vào phần chính của kỳ này, chúng tôi xin nói thêm vài điều về gia đình ông Ba Quốc ở miền Bắc. Vì theo dõi thiên ký sự này trong những ngày qua, nhiều bạn đọc đã gửi thư về tòa soạn bày tỏ lòng ngưỡng mộ đối với ông Ba Quốc và khâm phục sự hy sinh của những người trong gia đình ông, đồng thời cũng nêu một vài thắc mắc liên quan đến chính sách.

Một bạn đọc tên là Jeff Nguyễn, ở Canada, trong e-mail gửi về tòa soạn có nêu vấn đề về những người thân của ông Ba Quốc ở miền Bắc: "Tôi thắc mắc là không biết sau chiến tranh họ có được Nhà nước đền bù cho những thiệt thòi to lớn mà họ phải gánh chịu một cách oan uổng hay không?". Chúng tôi định sẽ đề cập những vấn đề đó trong những kỳ sau vì thiên ký sự này vẫn chưa kết thúc. Nhưng để giải tỏa nỗi bức xúc của bạn đọc, chúng tôi xin thông tin như sau: Sau ngày thống nhất đất nước, gia đình ông Ba Quốc ở miền Bắc đã được Đảng, Nhà nước cũng như cơ quan tình báo quân đội chăm lo thực hiện chính sách một cách chu đáo. Bà Phạm Thị Thanh được chuyển hộ khẩu về Hà Nội, được cấp một căn hộ để ở và được hưởng chính sách theo chế độ chung. Gia đình hai người con đều có công việc thuận lợi, hạnh phúc và thành đạt. Riêng người con trai đã được đào tạo thành sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.



Tổng biên tập  
ĐINH THẾ HUYNH

Vài nét về báo  
Nhân Dân

Sitemap

Fonts tiếng Việt



Thiếu tướng Đặng Trần Đức và thiếu tướng Vũ Ngọc Nhạ.

Trở lại nội dung chính của kỳ này. Cho đến nay, có thể khẳng định các điệp viên của "Việt cộng" hoạt động ở Sài Gòn rất ít khi dùng điện đài, trừ việc phục vụ các chiến dịch lớn. Trong khi người Mỹ sử dụng những thành tựu khoa học hiện đại nhất và phương tiện kỹ thuật tối tân nhất cho hoạt động tình báo thì "Việt cộng" lại sử dụng các phương tiện truyền tin thô sơ nhất. Trong suốt cuộc chiến tranh Việt Nam, rõ ràng là các phương tiện hiện đại nhất của CIA đã hoàn toàn bất lực trước các phương tiện "dân dã" nhất của tình báo "Việt cộng". Chúng tôi tò mò hỏi anh con trai thứ ba của ông Ba Quốc: "Anh có biết bố anh chuyển phim ảnh và tài liệu lên chiến khu bằng cách nào không?". Anh cười: "Biết chứ. Tôi cũng thường giúp bố tôi làm chuyện đó mà. Đối với tài liệu viết bằng nước trà trên những tờ giấy dầu màu vàng thì dùng những tờ giấy đó... gói đờ, hoặc dán lại thành cái túi đựng đờ. Còn phim thì làm theo hai cách. Một là mua một đôi dép chapeau, lột lớp phía trên ra, rồi lấy dao cắt rỗng miếng xốp trong đế dép, phim cắt ra từng khúc nhét vào đó rồi dán lại. Một chiếc dép chứa được 1/4 cuộn phim, một đôi được 1/2 cuộn. 1/2 cuộn còn lại cũng cắt ra, cuộn nhỏ lại, nhét vào đờ chơi trẻ em. Tất cả đựng vào cái túi bằng giấy dầu màu vàng nói trên, cả vỏ cả ruột đều là tài liệu. Ông đem cái túi đó để vào cốp xe Vespa rồi mang đi gặp giao liên nội đô". Chúng tôi được biết, theo nguyên tắc, ông chỉ gặp giao liên nội đô thôi. Người giao liên nội đô sau khi nhận tài liệu của ông, ra khỏi thành phố sẽ chuyển cho giao liên có vũ trang mang tài liệu về căn cứ.

"Một tập Hồ sơ trận liệt mà anh chụp hình có bao nhiêu trang?". "Một tập ít nhất là trên 100 trang giấy A4, nhiều nhất là hơn 200 trang, cứ ba ngày bố tôi mang về một tập". "Anh có biết nội dung trong đó là gì không?". "Biết chứ. Tôi vẫn còn nhớ ngoài bì ghi là *Hồ sơ trận liệt cộng sản Bắc Việt*. Trong đó có ghi phiên hiệu các sư đoàn và đơn vị quân đội, trang bị vũ khí hỏa lực, nơi đóng quân, tên cấp chỉ huy, tinh thần cán binh và những diễn biến trên chiến trường". "Hồ sơ đó ông bắt đầu đem về nhà từ bao giờ và đến bao giờ thì hết?". "Tài liệu Hồ sơ trận liệt thì bắt đầu từ năm 1971, suốt cho đến ngày bố tôi bị lộ. Trước năm 1971 ông chỉ viết trên giấy dầu thôi, từ năm 1971 trở đi vừa viết trên giấy dầu vừa chụp phim, riêng giấy dầu thì ngày nào ông cũng viết".

Được biết, vào năm 1971, do quen biết với trung tá Vũ Văn Nho, Trưởng phòng 2 (tình báo) của Bộ Tổng tham mưu, ông đã biết được tin địch phát hiện ra đường dây 559 của ta suốt dọc dãy Trường Sơn. Tài liệu này ông lấy được nguyên bản và đó là bản *Hồ sơ trận liệt* đầu tiên mà anh con trai thứ ba của ông đã kể. Từ đó, thông qua một sĩ quan phụ trách in ấn của Bộ Tổng tham mưu ông lấy được tất cả các tài liệu nguyên bản *Hồ sơ trận liệt*, cứ ba ngày một tập như trên đã nói. Những tài liệu đó cho thấy địch đã phát hiện nhiều bí mật của ta trên chiến trường, thông qua điệp báo và do thám. Có những hồ sơ cho thấy địch còn theo dõi được những diễn biến, sự thay đổi về quân số, hỏa lực, nơi đóng quân và cấp chỉ huy của từng sư đoàn của chúng ta vào những thời điểm khác nhau. Những tài liệu mà ông gửi về đã giúp ích rất nhiều cho việc điều chỉnh, đối phó, ngăn ngừa được tổn thất trên chiến trường, đồng thời cảnh giác, phát hiện được các hoạt động gián điệp của kẻ

địch, vì vậy với những tài liệu đó ông đã góp phần lặng lẽ nhưng rất đáng kể vào thắng lợi của các hoạt động quân sự. Biết địch biết được những gì về ta cũng là một trong những yêu cầu của công tác tình báo.

Tuy nhiên, đó chỉ là một trong những phần việc "làm thêm" của ông. Vì như đã biết, vị trí của ông không phải ở Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn mà ở Đặc ủy Trung ương tình báo. Mặc dù vậy, việc "làm thêm" này được ông thực hiện một cách hết sức khôn khéo và cẩn thận, đến mức nhiều khi ông có trong tay những tập tài liệu đó trước khi nó được đưa đến Tổng tham mưu trưởng quân đội Sài Gòn. Và thật đáng tiếc, chính vì những tập Hồ sơ trận liệt này mà ông đã bị lộ, vợ con ông bị bắt... Nhưng đó là việc sau này, chúng tôi sẽ đề cập chi tiết hơn trong những kỳ cuối của thiên ký sự. Còn lúc đó, trong những năm Nguyễn Văn Thiệu cầm quyền, trong nhiệm vụ trọng tâm của mình, ông vừa lập được chiến công ngoạn mục vừa có những hành động mạo hiểm cũng ngoạn mục không kém...

(Còn tiếp)

- \* Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 18): Tình báo cha và tình báo con
- \* Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 17): "Ngõ cụt" trên đường học vấn của hai người con ở miền Bắc
- \* Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 16): Khi người thân vào Nam "làm tay sai cho địch"
- \* Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 15): Khu vực nhạy cảm
- \* Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 14): Nhãn quan chính trị
- \* Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 13): Giữa những cơn bão của bảy cuộc đảo chính
- \* Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 12): Những viên kim cương, "cậu" phù thủy và anh bán giày
- \* Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 11): Kích động đảo chính
- \* Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 10): Sự vô dụng của máy phát hiện nói dối và cái hữu dụng của nghề... coi tướng số
- \* Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 9): Cứu ông hoàng Norodom Sihanouk và xóa bảy ổ gián điệp Mỹ cài ở miền bắc
- \* Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 8): Một "sứ mạng" nguy hiểm
- \* Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 7): Giải cứu ông Nguyễn Văn Linh và chín Đặc khu ủy viên Sài Gòn-Gia Định (tiếp theo)
- \* Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 6): Giải cứu ông Nguyễn Văn Linh và chín đặc khu ủy viên Sài Gòn - Gia Định
- \* Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 5): "Biết địch, biết ta"
- \* Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 4):

"Người hùng" của Cơ quan mật vụ Phủ Tổng thống

\*Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 3): Câu chuyện về kho vàng

\*Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 2): Bài học đầu tiên - Lòng dân

\*Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 1): Bước chân vào nghề

HOÀNG HẢI VÂN  
Theo Thanh niên

- ✓ Xây dựng đảng cầm quyền: Một số kinh nghiệm từ thực tiễn đổi mới ở Việt Nam (10-3)
- ✓ Một tất yếu lịch sử (10-3)
- ✓ Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 18): Tình báo cha và tình báo con (9-3)
- ✓ Những ngôi nhà đoàn kết giúp phụ nữ nghèo Điện Biên (8-3)
- ✓ Tinh thần Điện Biên Phủ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta (8-3)
- ✓ Chuyện ở Thanh Khê (8-3)
- ✓ Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 17): "Ngõ cụt" trên đường học vấn của hai người con ở miền Bắc (8-3)
- ✓ Chuyện về một gia đình anh hùng (6-3)
- ✓ Gương hy sinh, tinh thần Tô Hiệu (6-3)
- ✓ Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng (kỳ 15): Khu vực nhạy cảm (6-3)

< Quay lại      ^ Về đầu trang

# Nhan Dan

- ENGLISH
- Trang chủ
- Bản tin
- Chức vụ
- Trình tự
- Đại công
- Hành liệt
- Khoa giáo
- Văn hóa
- Thư gửi
- Thư thảo
- Hộp thư liên lạc

Sự kiện | Người tốt việc tốt | Giao thông | Con cháu Lạc Hồng | Ý kiến

Cập nhật 11:17 ngày 29-04-2004



Tìm kiếm

Tìm ki

## Chuyện về người chỉ huy của những nhà tình báo huyền thoại (\*)

**Ông Trần Quốc Hương là người chỉ huy tình báo sống một cuộc đời can đảm và hoàn thành nhiều nhiệm vụ trong suốt hai cuộc kháng chiến. Ông đã trải qua tù đày cả hai thời kỳ kháng chiến, nhưng kẻ thù không khuất phục được ông. Nhân kỷ niệm 29 năm Ngày giải phóng miền nam (30-4-1975 - 30-4-2004), chúng tôi xin trân trọng trích giới thiệu cùng bạn đọc cuốn *Trần Quốc Hương, người thầy của những nhà tình báo huyền thoại* của tác giả Nguyễn Thị Ngọc Hải do NXB Công an Nhân dân ấn hành năm 2003.**



Tổng biên tập  
ĐÌNH THẾ HUYNH

Vài nét về báo  
Nhan Dan

Sitemap

Fonts tiếng Việt

....Chính vì có mưu đồ sử dụng những người kháng chiến nên chúng dùng thủ đoạn đặc biệt: đầu hàng, chuyển hướng thì tin dùng; còn nếu kiên trung lý tưởng cộng sản thì chúng tha hồ thủ tiêu, không cần án xử.

Chính ông Mười Hương sau này mới biết mình có tên trong 200 người bị đi thủ tiêu nhưng địch không kịp thi hành.

Vì sao Diệm - Nhu biết ông là cán bộ cấp cao như vậy lại không giết ngay?

"Phải hiểu triết lý của anh em họ Ngô. Họ chống Cộng quyết liệt nhưng lại khâm phục cái phần kháng chiến của người cộng sản, cho đó là phần quốc gia, chống ngoại xâm, yêu nước. Họ muốn dùng người sạch sẽ để cùng quốc gia, theo đường lối quốc gia. Vì vậy họ cố gắng cả năm trời làm việc lay chuyển và tấn công tư tưởng". Ông đã có lần nói với Ngô Đình Nhu và đám tay chân, phân tích cho họ thấy chế độ Diệm - Nhu "không thể thoát khỏi cái thòng lọng viện trợ Mỹ. Cứ thử so sánh với việc Mỹ dùng Lý Thừa Vãn (tổng thống Hàn Quốc cùng thời với Ngô Đình Diệm). Mỹ tin Lý Thừa Vãn hơn tin ông Diệm. Lý Thừa Vãn được đào tạo ở Mỹ, lấy vợ Mỹ. Chứ còn ông Diệm thế nào, Mỹ biết chứ".

Những lời phân tích, đấu lý này với các cấp tay chân của Diệm - Nhu đều được báo cáo lên hết. Thời kỳ ấy, Diệm - Nhu tổ chức cả những cuộc đấu lý công khai. Người ta còn nhớ cuộc đấu trí ở Mỹ Tho do tính trưởng tình Nha Trang Nguyễn Văn Trân tổ chức đấu lý với đồng chí Nguyễn Văn Hiếu (lúc đó đang phụ trách công tác trí vận Thành ủy). Khi không lung lạc được ông Mười Hương, có ý kiến định đưa Nguyễn Văn Trân đấu lý với ông Mười Hương. Nhưng chính Ngô Đình Cần gạt đi, vì "Không được đâu. Không đủ lý lẽ để đấu với ông Hai này. Đã đấu lý lẽ cả năm không được. Để nói ông cố vấn Nhu gặp mới được". Chính Ngô Đình Cần cũng nhận xét về ông Mười Hương: "Cộng sản ngoan cố thì rõ rồi. Nhưng lời ông ta

nói, có cái chúng ta phải suy nghĩ".

Sau này, qua lời những tên đã từng canh giữ, tra hỏi ông Mười Hương, sau giải phóng chúng đã khai trong trại cải tạo, ông Mười Hương biết rằng Diệm - Nhu không giết ông còn có một lý do nữa. Lê Văn Dư, phụ trách trại giam Tòa Khâm Huế, khai rằng do thái độ ngoan cố của ông Mười Hương nên hẳn nhiều lần đề nghị Ngô Đình Cẩn phải dùng biện pháp mạnh như tra tấn, thủ tiêu nhưng Cẩn không chấp nhận. Cẩn nói: "Phải kiên trì thuyết phục làm sao chuyển hướng được tư tưởng chứ khai hay không không thành vấn đề. Hương không khai thì người khác cũng đã khai hết, mất thời gian tính rồi. Cứ đối xử tử tế. Người giá trị thế này mới có giá để trao đổi tù binh khi cần thiết".

Ông Mười Hương ngắt ngang mạch chuyện, quay sang tâm sự thời cuộc như mong muốn người bạn ngồi nghe phải chung một nhận định nào đó. Hình như chỉ có như thế mới có thể cùng nhau ôn tiếp các sự kiện.

"Chính vì sợ sự chủ quan nên tôi sợ viết hồi ký. Kể cho bạn thân nghe thì được. Thí dụ, có anh X. viết về đời một nhân vật nổi tiếng cũng ở tù. Vì là bạn thân đưa cho nhau đọc nên tha hồ nhận xét thẳng thừng. Tôi nói ngay: Viết thế này thì chắc chỉ có mình anh ở tù. Anh là vua tù, chẳng ai theo được anh. Anh có công nhận là nếu tất cả các cai tù đều răm rắp làm đúng các quy định khắc nghiệt thì tại mình chết hết rồi không? Nó chú ý giết mình thì mình chết. Ngô Đình Cẩn đã từng nói: chết thành đồng càng gọn, đào lỗ vất tất cả xuống đấy".

Trong suốt sáu năm ở tù này (1958-1963), có tất cả 49 đứa canh gác tôi. Tất cả đều là công giáo Phú Cam (Huế), địa phương của gia đình Ngô Đình Diệm. Chỉ có hai người theo Phật giáo, một lính khố xanh của chính quyền Nam Triều, một com-măng-đô mũ đỏ. Tôi đã nói chuyện nhiều với họ. Chuyện gì? Chuyện đối nhân xử thế ở đời, không dùng chữ chủ nghĩa xã hội hay cộng sản, chỉ nói về một tương lai không còn bóc lột... Người lính theo công giáo nói: Đấy cũng chính là địa đàng Chúa định cho con người nhưng con người kiêu quá nên Chúa phạt đó thôi. Họ cũng mong muốn một xã hội công bằng, bác ái nhưng động đến chữ cộng sản là giãy nảy lên. Tất nhiên, có những anh mê muội, hung ác. Khi nhìn đánh giá kẻ thù cũng phải hiểu sâu nhiều mặt mới không dao động vì biết được bản chất của nó rồi. Chính ý này khiến tôi thích tác phẩm *Viết dưới giá treo cổ* của Phu-xích. Ông đã nhận xét bọn cai ngục quân SS phát-xít Đức: Có đứa là súc vật không còn nhân tính nhưng có kẻ nửa người nửa vật. Chính thế mới có kẻ cai ngục giữ lại cuốn sách của ông để người đời sau đọc. Kiểu tuyên truyền sơ lược không cần thận gây tác dụng ngược.

Thí dụ như anh bạn cùng hoạt động bị bắt, bị buộc khai báo để kẻ địch dẫn đi bố trí bắt tôi trong cuộc hẹn ở Gò Vấp. Ngoài Trung ương đưa vào. Anh cũng là một cán bộ tốt, đã từng bị bắt ở Sài Gòn vẫn giữ được khí tiết. Trung ương chọn anh vào giúp chúng tôi lúc đó chuyên mảng nghiên cứu quân sự. Là một trong những người được tin cậy. Ra tập kết, anh được đề bạt làm phó chính ủy

một sư đoàn. Ở trong này làm chính trị viên tình đội. Một người như vậy nhưng về tư tưởng lại không được chuẩn bị tốt. Cứ nghe kiểu tuyên truyền đơn giản về miền nam. Anh vào, thấy không đúng hoặc chưa hiểu thế nào là "phần vinh giả tạo" nên phát sinh hoài nghi những cái đã được học.

Phải nói sao cho thuyết phục và có tính chân thật, đừng sợ bị chụp mũ là ca ngợi kẻ địch. Vào chiến trường sinh tử phải nhìn chính xác mọi mặt thì mới đối phó được...

(Còn nữa)

.....

(\* ) Đầu đề là của báo *Nhan Dân*.

- 
- ✓ Cần làm rõ sai phạm trong chương trình kiên cố hóa kênh mương ở Khánh Hòa (29-4)
  - ✓ Từ quyển nhật ký 50 năm tìm về (28-4)
  - ✓ Kỷ niệm 50 năm chiến dịch Điện Biên Phủ và Hội nghị Geneva tại Bắc Kinh - Trung Quốc (28-4)
  - ✓ Đám tang Phan Thanh (28-4)
  - ✓ Thương tiếc đồng chí Jean Moreau Dương Bá Lộc (28-4)
  - ✓ Cuộc hội ngộ sau nửa thế kỷ của những nhân chứng lịch sử (27-4)
  - ✓ Nói gương anh Trần Phú - giữ vững chí khí cách mạng chiến đấu (27-4)
  - ✓ Đối thoại giữa Chủ tịch tỉnh Đắc Lắc với hai quan chức ngoại giao Hoa Kỳ (27-4)
  - ✓ Vì sao tôi thảo lời đầu hàng cho tổng thống ngụy Sài Gòn? (27-4)
  - ✓ Gặp tác giả đôi dép râu huyền thoại (26-4)

< Quay lại      ^ Về đầu trang

Accessed on 24 May 2004 at Nhan Dan Website:

<http://www.nhandan.com.vn/tinbai/?top=36&sub=47&article=5994>

Do lâm bệnh nặng, Thượng tướng Lê Minh Hương đã từ trần hồi 12 giờ 30 phút, ngày 23-5-2004 tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 (Hà Nội). Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ Công an và gia đình vô cùng thương tiếc báo tin:

Thượng tướng Lê Minh Hương, sinh ngày 3-10-1936; quê quán xã Sơn Tân, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh; Ủy viên Trung ương Đảng các khóa VII, VIII, IX, Ủy viên Bộ Chính trị các khóa VIII, IX; nguyên Bí thư Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ trưởng Bộ Công an; Đại biểu Quốc hội các khóa IX, X, Ủy viên Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội khóa IX; Huân chương Quân công hạng ba, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng nhất; Huy hiệu 40 năm tuổi đảng. Do lâm bệnh nặng đã từ trần hồi 12 giờ 30 phút, ngày 23-5-2004 tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 (Hà Nội). Trên 50 năm hoạt động cách mạng, đồng chí đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân.

Để tỏ lòng tưởng nhớ Thượng tướng Lê Minh Hương, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quyết định tổ chức tang lễ đồng chí Lê Minh Hương theo nghi thức lễ tang cấp Nhà nước.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam  
Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

#### **Tóm tắt Tiểu sử đồng chí Lê Minh Hương,**

Đồng chí Lê Minh Hương, sinh ngày 3-10-1936

Quê quán xã Sơn Tân, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Ngày tham gia công tác: 10-1948. Ngày vào Đảng: 27-11-1955. Từ tháng 10-1948-12-1950: Liên lạc đơn vị bộ đội 75 Hà Tĩnh. Từ tháng 1-1951-3-1956: Công tác tại thị xã Hà Tĩnh, Ủy viên Thường trực Ủy ban nhân dân thị xã Hà Tĩnh. Từ tháng 4-1956-3-1962: Trình sát chính trị Công an tỉnh Hà Tĩnh và Công an Liên khu 4. Từ tháng 11-1962-8-1965: Học viên lớp đào tạo đặc biệt về nghiệp vụ an ninh tại Trường Công an Trung ương (nay là Học viện An ninh Nhân dân). Từ tháng 9-1965-1978: Biệt phái công tác tại Bộ Ngoại giao. Năm 1979: Công tác tại Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an), giữ các cương vị: Phó phòng; Cục phó A13 (6-1981); Cục trưởng Cục A13 (2-1988); Phó Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh, kiêm Cục trưởng Cục A13 (10-1988); Quyền Tổng cục trưởng Tổng cục 5 (6-1989). Tháng 1-1990: Tổng cục trưởng Tổng cục 5 Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an); được phong quân hàm Thiếu tướng, tháng 8-1990. Tháng 02-1991: Thứ trưởng Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an), Ủy viên thường vụ Đảng ủy Công an; Trung ương; được phong quân hàm Trung tướng, tháng 12-1992. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VII (6-1991) được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VIII (6-1996) được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được Trung ương bầu vào Bộ Chính trị. Bí thư Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ trưởng Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an); được phong quân hàm Thượng tướng tháng 1-1998. Tháng 6-2000: Đồng chí được Trung ương giao nhiệm vụ phụ trách Tổ A47 của Bộ Chính trị. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ IX (4-2001) được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được Trung ương Đảng, được bầu lại vào Bộ Chính trị. Từ tháng 4-2001 đến tháng 8-2002; Bí thư Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ trưởng Bộ Công an. Đồng chí được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng ba; Huân chương kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng nhất, Huy hiệu 40 năm tuổi đảng.

**DANH SÁCH BAN LỄ TANG ĐỒNG CHÍ LÊ MINH HƯƠNG**

- 1 Đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban.
- 2- Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ.
- 3- Đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tổ chức Trung ương.
- 4- Đồng chí Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ trưởng Bộ Công an.
- 5- Đồng chí Đại tướng Phạm Văn Trà, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.
- 6- Đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Nội chính Trung ương Đảng.
- 7- Đồng chí Phạm Thế Duyệt, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- 8- Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Hành Văn phòng Trung ương Đảng.
- 9- Đồng chí Hoàng Xuân Cừ, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban nghiên cứu của Bộ Chính trị về An ninh quốc gia.
- 10- Đồng chí Đoàn Mạnh Giao, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.
- 11- Đồng chí Trung tướng Nguyễn Khánh Toàn, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Đảng ủy Công an Trung ương, Thứ trưởng Thường trực Bộ Công an.
- 12- Đồng chí Trung ương Lê Thế Tiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương, Thứ trưởng Bộ Công an.
- 13- Đồng chí Trung tướng Nguyễn Văn Hưởng, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương, Thứ trưởng Bộ Công an.
- 14- Đồng chí Trung tướng Nguyễn Văn Tính, Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương, Thứ trưởng Bộ Công an.
- 15- Đồng chí Thiếu tướng Nguyễn Văn Khả, Phó Chủ nhiệm Ủy ban An ninh và Quốc phòng của Quốc hội.
- 16- Đồng chí Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Nội.
- 17- Đồng chí Đặng Duy Báu, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

## **THÔNG BÁO**

Lễ viếng và lễ truy điệu đồng chí Thượng tướng Lê Minh Hương  
Linh cữu đồng chí Thượng tướng Lê Minh Hương quản tại Nhà tang lễ Quốc gia, số 5 Trần Thánh Tông, Hà Nội. Lễ viếng được tổ chức từ 7 giờ, ngày 26 tháng 5 năm 2004. Lễ truy điệu lúc 12 giờ 30 phút cùng ngày, tại nhà tang lễ Quốc gia, số 5 Trần Thánh Tông, Hà Nội; sau đó lễ an táng đồng chí Thượng tướng Lê Minh Hương tại nghĩa trang Mai Dịch, Hà Nội.

### ***Ban Lễ Tang***

## 40 năm "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ"

**Sau khi lật đổ Ngô Đình Diệm năm 1963, người Mỹ nghĩ đến việc đánh phá miền Bắc, triệt tiêu sự hỗ trợ của hậu phương lớn. Một loạt hoạt động quân sự được đẩy mạnh, trong đó có việc sử dụng hải quân do thám bờ biển và gây hấn, lấy cớ phát động chiến tranh. Cuộc đánh đuổi tàu khu trục Maddox ra khỏi hải phận Việt Nam ngày 2-8-1964 ngay sau đó được phía Mỹ la toáng lên rằng Hải quân Việt Nam tấn công tàu chiến Mỹ trên hải phận quốc tế với cái tên "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ".**

### Trận thư hùng trên vùng biển Thanh Hóa

Đêm 31-7-1964, Maddox, một con tàu khu trục đa năng với 350 sĩ quan và binh lính và mang số hiệu DD731 thuộc hạm đội 7 của hải quân Mỹ vượt qua vĩ tuyến 17 và ngược lên phía Bắc, tiến vào vùng biển Quảng Bình, sau đó tiếp tục đi sâu vào vùng biển Nghệ An để điều tra hệ thống bố phòng của Hải quân Việt Nam ở ven biển miền Trung. Có nơi, Maddox vào gần tới 5-6 hải lý khiến cho các đài quan sát có thể nhìn rõ số hiệu 731 qua ống nhòm. Sáng 1-8, Maddox bắn vào Hòn Mê, Đèo Ngang.

Nhận lệnh của Bộ tư lệnh Hải quân nhân dân Việt Nam, phân đội 3 của tiểu đoàn phóng lôi 135 gồm ba tàu T333, T336 và T339 được lệnh rời quần cảng Vạn Hoa ở Hòn Gai chuẩn bị đánh đuổi tàu chiến Mỹ. Đây là ba con tàu loại 123K do Liên Xô chế tạo, tốc độ cao nhất của tàu đạt 52 hải lý nhưng chỉ có thể khai thác trong 20 phút. 123K được trang bị hai quả ngư lôi. Ngoài ra, tàu chỉ có súng máy 14,5mm và súng bộ binh. Theo đại tá Nguyễn Xuân Bột, nguyên thuyền trưởng tàu 333 thì loại tàu phóng lôi này chỉ để đánh tàu vận tải hoặc các mục tiêu cố định trên biển, nếu đánh tàu khu trục có tốc độ cao, phải dùng đến 12 chiếc 123K, xếp theo hình nan quạt và... đồng loạt phóng 24 quả ngư lôi! Trong khi đó, Maddox có tốc độ 38 hải lý, trang bị rất mạnh với sáu đại bác 127mm, 12 pháo 40mm, năm giàn ngư lôi, bom chìm, bom phóng và sự yểm trợ của không quân.

Từ Hòn Mê, Thanh Hóa, 13 giờ 50 ngày 2-8, phân đội 3 xuất kích, 14 giờ 52, phân đội phát hiện tàu Maddox ở phía đông nam Hòn Nẹ, Thanh Hóa. Thấy tàu Hải quân Việt Nam xuất hiện, Maddox bắn dồn dập. 15 giờ 26, tàu 339 tiếp cận mạn phải Maddox ở cự ly 6 liên (khoảng 1 km), phóng ngư lôi và rời khu vực tác chiến song ngay sau đó bị máy bay Mỹ bắn trúng máy trái, tàu ngừng hoạt động. Một phút sau, đến lượt tàu 336 tiếp cận Maddox và phóng lôi. Tàu đích thả bom chìm chặn lối và máy bay phóng tên lửa làm thuyền trưởng Nguyễn Văn Tự hy sinh trên đài chỉ huy, chiến sĩ Nguyễn Văn Hương tiếp tục lái tàu và cùng tàu 339 đánh trả máy bay Mỹ bằng súng máy 14,5mm.

15 giờ 28, tàu 333 tiếp tục phóng ngư lôi và bị tàu đích chặn lối bằng bom chìm. Không còn vũ khí mạnh, các tàu phóng lôi của ta tiếp cận tàu đích khiến pháo lớn của tàu đích mất tác dụng và dùng súng máy 14,5mm quét mặt boong khiến cho lính Mỹ chạy trốn tán loạn, các loại hỏa lực mặt boong cầm bặt. Cuộc chiến kết thúc lúc 17 giờ, kết quả ta đã đánh đuổi được tàu Maddox, bắn rơi một máy bay, bắn cháy một chiếc khác, về phía ta, bốn đồng chí hy sinh, sáu người bị thương, hai tàu 336 và 339 hư hỏng.

## Gặp lại những người anh hùng

*Các ông Nguyễn Xuân Bột  
và Nguyễn Văn Giản gặp lại đồng đội.*

Sau sự kiện tàu khu trục Maddox bị đánh đuổi ra khỏi hải phận Việt Nam ngày 2-8, ngày 5-8-1964, 40 máy bay Mỹ từ các tàu sân bay thuộc hạm đội 7 đã hơn 100 lần xuất phát tấn công các vị trí của Hải quân Việt Nam từ Quảng Ninh đến Quảng Bình.

Tại Cửa Hội và TP Vinh, tám máy bay Mỹ vào ném bom đã bị phân đội 7 và 5 Hải quân đánh trả; tàu 187 bắn rơi một máy bay Mỹ. Tại cửa Ròn, cảng Gianh, các tàu 183, 181, 173, 175, 177 đánh trả một tốp tám máy bay khác, bắn cháy một chiếc, bắn bị thương một chiếc khác. Tại Lạch Trường, Thanh Hóa, hai tàu 333, 336 vừa đánh tàu Maddox trở về đã cùng các tàu tuần tiểu 130, 132, 146 bắn rơi hai máy bay Mỹ. Trong trận này, pháo thủ Đặng Đình Lồng bị thương cả hai chân đã buộc thân mình vào súng máy 14,5 mm và chiến đấu đến lúc hy sinh, chính anh đã bắn rơi một máy bay AD6 khi nó bỏ nhào. Anh đã trở thành một tấm gương bắt tử của Hải quân nhân dân Việt Nam. Khẩu pháo 14,5 mm thắm màu người chiến sĩ quê Thanh Hóa nay được trưng bày trong Bảo tàng Hải quân ở TP Hải Phòng.

Tại vùng biển Hòn Gai, Cẩm Phả, các tàu 144, 134, 122, 124 và căn cứ hải quân Bãi Cháy cùng các lực lượng phòng không bắn rơi hai máy bay Mỹ. Trung úy E.Alvarez là phi công Mỹ đầu tiên bị bắt sống trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc. Viên phi công này bị bắt bởi ba người dân chài trên đảo Cô Tô đang dong thuyền buồm vào thăm bà con ở Hòn Gai nhân một ngày đẹp trời ! "Chủ trì" cuộc bắt tù binh nhảy dù rơi xuống biển 40 năm trước là ông Nguyễn Kim Bảo, nay 75 tuổi đang sống ở Ngã ba Cọc 6 thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Theo sáng kiến của Bộ Tư lệnh Hải quân, một cuộc gặp gỡ cảm động giữa những người đã tham gia vào trận thắng đầu tiên của quân chủng vừa được tổ chức. Nói về trận đầu 2-8-1964, đại tá Nguyễn Xuân Bột kể lại: "Thương thì tàu chiến sơn màu xám, nhưng Maddox cao to như cái nhà tây lại sơn trên trắng dưới xanh như tàu buôn. Pháo nó bắn lên không nghe tiếng, chỉ thấy khói phun lên vàng khé, đến khi đạn nổ bên cạnh mình mới biết". Đại úy Nguyễn Văn Giản, nguyên thuyền trưởng tàu 339 nhớ lại: "Maddox bắn ta trước, từ 80 liên (8 hải lý) nó đã bắn ghê gớm lắm rồi, đạn pháo khiến tàu tôi chòng chành và làm chúng tôi không thể đi theo đội hình tấn công được, cứ lao vào mà phòng ngư lôi thôi".

Ông Đinh Xuân Tông, máy trưởng tàu 139 kể lại: "Tàu tôi bị bắn cháy máy bên trái, tôi đập hai thùng khói mù, máy bay địch tưởng tàu tôi cháy, lảng ra. Thế là tôi nạp lại khí nén, nổ máy chạy về". Chiến sĩ ra-đa Nguyễn Văn Luyện trên tàu 336, nay là một ông già đã rụng hết răng thì nói: "Lúc vào gần tàu Maddox quá, ra-đa hết việc, tôi ôm trung liên lên boong bắn máy bay. Nhưng tôi tiếc là chưa có dịp kể cho con cháu nghe chuyện này!".

Đại tá Hoàng Kim Nông, người từng chiến đấu ở Cửa Hội ngày 5-8-1964 trên tàu 187 kể lại: "Tôi nhớ rõ thuyền trưởng Nguyễn Văn Tiểu; anh ấy trúng đạn, tay trái gàn đứt lia đến vai, liền bảo mọi người cắt đi cho đỡ vướng và tiếp tục chỉ huy chiến đấu". Gần 80 tuổi, ông Tiểu (nay sống ở Xuân Tân, Thọ Xuân, Thanh Hóa) đáp lại: "Cánh tay gàn đứt rơi, lưng lảng vướng víu quá, tôi bảo anh Liêm cơ điện cắt giúp, nhưng cậu ấy không dám, thế là tôi phải giắt nó vào cặp quần rồi dùng tay phải lải tấu. Tôi cũng có một đứa con đi hải quân, bốn mươi tuổi cũng vợ muộn, giống tôi". Trận ấy tàu 187 có 30 người, chỉ năm còn nguyên vẹn!

Ấn tượng lớn nhất khi tham gia trận đánh ngày 2-8 là gì? Ông Nguyễn Văn Ngồng, chiến sĩ thông tin trên tàu 339, nay sống ở thị trấn Mạo Khê, Quảng Ninh đáp ngắn gọn: "Tôi sướng nhất là khi thấy tàu Maddox rút chạy, có thể thôi !"

*(Thanh niên)*

Maddox là tàu khu trục đa năng, đóng năm 1942 và hạ thủy năm 1944. Tàu dài 114,75 mét, rộng 12,44 mét, lượng giãn nước 2.200 tấn. Công suất 60.000 mã lực, tốc độ 38 hải lý/giờ. Trang bị hai ụ pháo 127mm x 2 nòng, 12 pháo 40mm, ngư lôi 5 giàn x 2 quả... Quân số 350 người. Đã tham gia chiến tranh thế giới thứ 2, tham gia hạm đội 7 trong chiến tranh Việt Nam. Sau năm 1964, không xuất hiện trên vùng biển Việt Nam, cô tin Maddox đã được hoàn cải thành tàu buôn.

## Đuổi tàu Ma-đốc: Hai bài học về tác chiến biển

11 July 2004

Đêm mùng 2-8-1964, phân đội 3 Hải quân nhân dân Việt Nam gồm 3 chiếc tàu phóng lôi nhận lệnh lên đường đánh đuổi tàu khu trục Ma-đốc của đế quốc Mỹ đang ngang nhiên xâm phạm vùng chủ quyền lãnh hải Việt Nam. Nhận lệnh, cả 3 chiếc tàu khẩn trương làm công tác chuẩn bị chiến đấu và rời khỏi cảng Vạn Hoa (Quảng Ninh) để cơ động vào khu vực phía nam hòn Nẹ (Thanh Hoá) đợi tàu địch. 13 giờ ngày 2-8, cả 3 chiếc tàu phóng lôi của ta lại được lệnh cơ động về khu vực hòn Mê chờ địch. Thế nhưng lúc này tàu Ma-đốc của địch đã ở đồng hòn Nẹ, cách các tàu phóng lôi của ta gần 14 hải lý. Khi nhận được lệnh công kích tàu địch, các tàu phóng lôi của ta nhanh chóng tăng tốc, bám sát mục tiêu. Khi giữ được khoảng cách và chiếm được góc mạn thích hợp, cả ba chiếc tàu của ta đã lần lượt thực hành phóng lôi để tiêu diệt tàu địch. Do tàu địch có tốc độ lớn hơn, lại có nhiều phương tiện chiến đấu hiện đại, nên ngư lôi của ta phóng ra đã bị địch phá huỷ trước khi tiếp xúc thân tàu. Tuy vậy, Ma-đốc đã bị pháo 14,5mm của các tàu ta bắn bị thương, phải rút chạy ngay khỏi vùng biển nước ta. Phía ta, cả ba tàu đều bị máy bay địch oanh kích và bị thương, nhưng cơ động được về bến.

Việc ta sử dụng tàu phóng lôi tiến công tàu Ma-đốc của Mỹ sau này đã bị quân địch xuyên tạc và dựng lên "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ" nhằm tạo cơ leo thang bắn phá miền Bắc và các căn cứ hải quân của ta suốt từ Quảng Bình đến Quảng Ninh. Cũng chính từ sự leo thang của đế quốc Mỹ mà chúng đã phải trả giá đắt với 8/40 chiếc máy bay của địch bị quân và dân ta bắn cháy, bắn rơi tại chỗ, cùng hàng chục chiếc khác bị thương. Sự thất bại của không quân Mỹ ngày 5-8-1964 đã đem lại chiến thắng đầu tiên hết sức to lớn và đầy ý nghĩa đối với lực lượng hải quân và phóng không Việt Nam trước một tên đế quốc sừng sỏ.

Tuy nhiên, cũng từ trận chiến đấu đánh đuổi tàu Ma-đốc của Mỹ, chúng ta đã rút ra những bài học quan trọng trong tác chiến trên biển với một đối tượng hơn hẳn ta về vũ khí, trang bị.

### ***Bài học thứ nhất: Sử dụng lực lượng hợp lý, chuẩn bị chiến đấu chu đáo.***

Trong trận đánh đuổi tàu Ma-đốc ta sử dụng 3 tàu phóng lôi, mỗi tàu được trang bị hai quả ngư lôi và một số loại súng pháo. Thực tế, tàu Ma-đốc của địch là loại tàu khu trục lớn, cơ bản hoạt động độc lập, vì vậy, nó có khả năng tự bảo vệ cao. Ngoài ra, nó lại được chi viện bằng không quân từ các tàu sân bay đậu gần đấy nên uy lực không ngừng được tăng lên. Chính vì vậy để có thể tiêu diệt gọn loại tàu khu trục lớn của địch ta cần phải sử dụng lực lượng lớn hơn và có sự chuẩn bị kỹ lưỡng hơn về vũ khí, phương tiện, phương án tác chiến... Việc chuẩn bị phương tiện và vũ khí cho tác chiến trên biển có vị trí hết sức quan trọng, bởi mỗi con tàu thực chất là một trận địa di động trên biển. Khi con tàu ngừng hoạt động hay vũ khí bị hỏng hóc... đồng nghĩa với việc nó trở thành mục tiêu lộ cổ định trên biển cho các loại hỏa lực của địch bắn phá. Trong trận chiến đấu này, các tàu phóng lôi của ta sau khi phóng lôi xong, đến giai đoạn thực hành đánh máy bay địch thì hầu hết vũ khí và phương tiện đều bị trục trặc (tàu 339 cả hai loại súng trung liên và 14,5mm đều bị hỏng; tàu 333 khi tiếp cận tàu địch thì chỉ còn một quả ngư lôi, một quả trước đó phải phóng bỏ vì không an toàn; tàu 336 bị hết dầu giữa đường do bị bắn thủng két dầu...). Việc chuẩn bị mạng thông tin liên lạc cho tác chiến biển cũng còn những hạn chế. Trong suốt quá trình chiến đấu, mạng thông tin liên lạc giữa phân đội tàu với trung tâm chỉ huy liên tục bị gián đoạn. Do đó, việc điều động lực lượng hỗ trợ đánh trả không quân địch gần như không thực hiện được.

**Bài học thứ hai: Năm vững thời cơ xuất kích, vận dụng các thủ đoạn chiến đấu linh hoạt, sáng tạo.**

Tác chiến trên biển đối với bất kỳ đối tượng nào, thời cơ xuất kích đều rất quan trọng. Tiếp cận địch nhanh, đón đầu được hướng đi của địch thì mới có thể chiếm được góc mạn có lợi nhất để thực hành công kích. Khi thực hành phóng lôi, hoặc sử dụng các loại hoả lực khác, đều phải có sự hiệp đồng chặt chẽ, để cả phân đội đồng loạt công kích mới đem lại hiệu quả cao. Trong trận chiến đấu này, tàu ta bị hạn chế về tốc độ, nên không chiếm được góc mạn có lợi theo yêu cầu chiến thuật mà hầu hết các tàu đều phải phóng lôi ở góc từ 80 đến 120 độ, cự li từ 6-7 liên, do vậy hiệu quả rất hạn chế. Mặt khác, các tàu lại không áp dụng thủ đoạn phóng lôi đồng loạt mà phóng lần lượt từng tàu, nên địch có điều kiện và thời gian để đối phó...

Ngày nay, Hải quân nhân dân Việt Nam đã có những phát triển vượt bậc, đủ sức đáp ứng yêu cầu bảo vệ vùng biển đảo của Tổ quốc. Nhưng để đối phó với các thủ đoạn xảo quyệt của kẻ thù thì lực lượng hải quân cần phải tiếp tục được đầu tư, nâng cao chất lượng phương tiện, trang bị. Mặt khác, phải tăng cường huấn luyện, bảo đảm cho mọi cán bộ, chiến sĩ sử dụng thành thạo vũ khí trang bị, các phân đội thường xuyên được luyện tập hiệp đồng theo các phương án tác chiến trên biển... Có như vậy lực lượng hải quân mới có thể luôn luôn giữ vững vai trò nóng cốt trong nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền lãnh hải của Tổ quốc.

## Chính phủ Mỹ biết rõ sự nguy hiểm của chất độc da cam

Khi viết cuốn sách "Chất độc da cam, dioxin và hệ quả"<sup>(1)</sup>, Tiến sĩ Nguyễn Văn Tuấn đã tham khảo hơn 300 tài liệu của Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng Mỹ, Đại sứ quán Mỹ tại Sài Gòn trước đây, thư từ của các quan chức, nghiên cứu của các nhà khoa học trên thế giới... và dựa trên những kết quả nghiên cứu của chính mình. Chúng tôi xin giới thiệu vài trích đoạn với bạn đọc.

Ngày 20-11-1961, Tổng thống John F. Kennedy phê chuẩn cho quân đội Mỹ tiến hành chiến dịch khai quang đồng cỏ Việt Nam. Quyết định này được Ngô Đình Diệm ủng hộ nồng nhiệt. Bất chấp sự phản đối của một số quan chức Mỹ ngay lúc đó, chiến dịch vẫn được thi hành.

### Lời cảnh báo từ thập kỷ 60

Chiến dịch dùng hóa chất của Mỹ ở Việt Nam bị dư luận thế giới lên án gay gắt. Hầu như tất cả báo chí Châu Âu và ngay trong nước Mỹ, giới khoa học và trí thức thế giới cực lực phản đối hành động của Mỹ và đòi hỏi Chính phủ Mỹ phải ngưng ngay việc dùng hóa chất độc hại. Bertrand Russell, một nhà toán học danh tiếng trên thế giới, tố cáo thẳng thắn rằng quân đội Mỹ đang tiến hành một cuộc chiến tranh hóa học ở Việt Nam, qua việc sử dụng hóa chất có khả năng gây ra ung thư trên con người. Trong khi đó, Thượng nghị sĩ Mỹ Robert W. Kastenmeier (bang Winsconsin) cảm thấy tình hình bất ổn, nên viết cho Tổng thống Kennedy, chất vấn việc dùng hóa chất và đặt vấn đề chế độ Diệm có xứng đáng để Mỹ phải hy sinh nguyên tắc đạo đức hay không.

Tháng 1-1966, Giáo sư John Edsall (Đại học Harvard) và một nhóm gồm 29 nhà khoa học ở thành phố Boston viết một thư phản đối việc dùng hóa chất để tiêu hủy mùa vụ của nông dân. Một năm sau, cố vấn khoa học cho tổng thống nhận được một thư phản kháng từ 5.000 nhà khoa học trên thế giới, trong đó có 17 người từng đoạt giải Nobel và 129 thành viên của Viện Hàn lâm Khoa học Mỹ, yêu cầu Tổng thống Lyndon B. Johnson chấm dứt ngay hành động hủy diệt môi sinh tại Việt Nam. Năm 1967, Hiệp hội vì Phát triển khoa học Mỹ, với sự thúc đẩy của Giáo sư E. W. Pfeiffer (Đại học Montana), khuyến cáo Bộ Quốc phòng Mỹ về hậu quả lâu dài cho người dân và môi sinh Việt Nam do chiến dịch Ranch Hand gây ra.

Mùa thu năm 1969, một nhóm khoa học gia công bố một nghiên cứu quan trọng cho thấy, chất 2,4,5T - một thành phần hóa học của chất da cam, ở nồng độ cao, có khả năng gây ra dị thai hay dị dạng bẩm sinh và chết thai trong bụng mẹ. Lúc đó, các bản tin từ báo chí Sài Gòn cũng cho biết, chất da cam là nguyên nhân gây ra nhiều trường hợp dị dạng bẩm sinh trong người dân. Ngày 15-4-1970, sau khi nghiên cứu này được công bố, Bộ Y tế, Giáo dục và Xã hội, Bộ Nội vụ và Bộ Nông nghiệp Mỹ ra lệnh ngưng ngay việc dùng chất da cam ở Mỹ.

Tháng 4-1970, Bộ Quốc phòng ra lệnh tạm thời đình chỉ chiến dịch Ranch Hand. Nhưng trên thực tế, các thuốc khai quang khác vẫn được tiếp tục rải xuống Việt Nam. Đến tháng 7.1971 thì chiến dịch hoàn toàn chấm dứt. Theo báo cáo chính thức của chiến dịch Ranch Hand, quân đội Mỹ đã thành công trong việc phá hủy khoảng 14% diện tích rừng Nam Việt Nam, kể cả 50% các rừng được.

### Ý định hạt nhân

Xét qua diễn biến chiến dịch Ranch Hand và những hậu quả của nó, người ta có thể nói cuộc chiến Việt Nam đã được giới quân sự Mỹ biến thành một bài thí nghiệm khổng lồ cho hóa chất độc hại. Điều đáng nói ở đây là có dấu hiệu cho thấy, họ biết những hóa chất này có khả năng gây ra tác hại cho sức khỏe của người dân. Trong là thư gửi cho Thượng nghị sĩ Tom Daschle, đề ngày 9-9-1998, tiến sĩ James R. Clary thuộc cơ quan nghiên cứu vũ khí hóa học, trực thuộc Trung tâm Phát triển vũ trang không quân, viết như sau: "Lúc chúng tôi (các nhà khoa học quân đội) khởi xướng chương trình khai quang vào đầu thập niên 1960, chúng tôi biết tiềm năng độc hại của chất dioxin chứa trong thuốc diệt cỏ. Chúng tôi còn biết rằng công thức mà giới quân sự dùng có nồng độ cao hơn nồng độ mà giới dân sự dùng, vì chi phí rẻ và thời gian sản xuất ngắn. Tuy nhiên, vì hóa chất sẽ được dùng trên kẻ thù, không ai trong chúng tôi quan tâm thái quá. Chúng tôi không bao giờ nghĩ là quân đội chúng ta lại bị nhiễm độc chất. Và, nếu chúng tôi nghĩ đến tình huống này, chúng tôi mong muốn chính phủ chúng ta giúp đỡ các cựu chiến binh bị nhiễm độc chất". Tiết lộ trên cho thấy, giới quân sự Mỹ đã biết trước các hóa chất trong cuộc chiến Việt Nam là độc hại, nhưng, một cách kiêu ngạo, họ cho rằng vẫn có thể dùng trên "kẻ thù".

Cần phải nói thêm ở đây, là không những chỉ dùng các phương tiện hóa học ở Việt Nam, Mỹ còn có dự định dùng vũ khí hạt nhân trong thời chiến. Tài liệu của Viện nghiên cứu Nautilus (Berkeley, bang California) vừa mới tiết lộ vào năm 2003 cho thấy, vào năm 1966, trong lúc Mỹ đang leo thang chiến tranh ở Việt Nam, Lầu Năm góc đã từng suy nghĩ đến việc dùng vũ khí hạt nhân tấn công Việt Nam. Ông Freeman Dyson, cựu giáo sư vật lý tại Đại học Princeton, từng nghe các giới chức Lầu Năm góc nói đến việc dùng vũ khí hạt nhân để đối phương (tức Việt Nam) do dự. Không phải là người hiếu chiến và muốn ngăn chặn ý đồ điên rồ của giới quân sự, sau khi nghe tin này, ông Dyson và đồng nghiệp, Robert Gomer và S. Courtenay Wright (thuộc Đại học Chicago) và Steven Weinberg (Đại học Harvard), quyết định tiến hành một nghiên cứu về những hậu quả nếu Mỹ quyết định dùng vũ khí hạt nhân ở Việt Nam. Công trình nghiên cứu này ước đoán rằng, Mỹ cần phải dùng đến 3.000 vũ khí hạt nhân hàng năm để phá hủy hệ thống giao thông đường mòn Hồ Chí Minh. Ngoài ra, nếu Mỹ quyết định như thế thì phía Việt Nam, với sự giúp đỡ của Liên Xô và Trung Quốc, có thể dùng vũ khí hạt nhân để phản công và hậu quả sẽ khủng khiếp cho quân đội Mỹ hơn là cho quân đội Việt Nam. Báo cáo của các nhà vật lý được đệ trình lên Bộ Quốc phòng, nhưng không ai biết ảnh hưởng của báo cáo đến chính sách của Mỹ ra sao. Lúc đó, Robert McNamara là Bộ trưởng Quốc phòng, và ông đã từng phản đối ý nghĩ dùng vũ khí hạt nhân trong cuộc chiến.

Trong y học, một khi một công thức thuốc được phát triển, người ta phải làm thử nghiệm về sự an toàn của thuốc trên thú vật (như chuột) cực kỳ kỹ càng trước khi đem ra dùng cho bệnh nhân. Ngay cả thử nghiệm trên chuột, các nhà khoa học cũng phải được phép của hội đồng y đức trước khi tiến hành nghiên cứu. Trong khi đó, quyết định dùng chất da cam chứa dioxin trong chiến tranh Việt Nam chỉ do một người quyết định (Tổng thống Kennedy) và nhận được sự ủng hộ của ông Ngô Đình Diệm. Người dân Việt Nam hoàn toàn không biết gì đến quyết định này. Vì thế, có thể nói rằng quyết định dùng chất da cam ở Việt Nam là một việc làm tàn nhẫn và vô nhân đạo. Nó thể hiện một thái độ ngạo mạn của người Mỹ coi thường mạng sống con người Việt Nam và môi trường Việt Nam. Nhận xét đó đã được giới khoa bảng Mỹ nêu lên từ năm 1966, họ cho đó là một hành động dã man, chỉ có hại cho người lính và thường dân.

Lịch sử sẽ ghi nhận việc Mỹ dùng chất da cam và dioxin ở Việt Nam (và nhiều hóa chất khác ở vùng Vịnh, vùng Balkans) như là những cuộc chiến tranh hóa học đầu tiên trong lịch sử chiến tranh thế giới.

-----  
(\* ) NXB Trẻ ấn hành, tháng 7-2004.

**\* Tác giả Nguyễn Văn Tuấn là nhà nghiên cứu y học cấp cao về di truyền học và loãng xương tại Viện Nghiên cứu y khoa Garvan tại**

Sydney, Australia. Ông nguyên là giáo sư thuộc khoa Y, Đại học Wright State (bang Ohio, Mỹ), và giáo sư thỉnh giảng tại một số đại học ở Mỹ, Thụy Sĩ, Hồng Kông và Thái-lan. Ông được đào tạo ở bậc tiến sĩ trong các ngành nội tiết học, di truyền dịch tế học và thống kê sinh học. Những nghiên cứu về dioxin là mối quan tâm riêng của ông từ nhiều năm nay.

## Cuba cắt đứt quan hệ ngoại giao với Panama

Bất chấp sự phản đối và cảnh báo của chính phủ Cuba, ngày 25-8 Tổng thống Panama sắp mãn nhiệm, bà Mireya Moscoso đã ân xá cho Luis Posada và ba tên khủng bố người gốc Cuba đang bị tù vì âm mưu dùng thuốc nổ sát hại Chủ tịch Cuba Fidel Castro hồi tháng 11-2000 khi ông nói chuyện với sinh viên Panama nhân dịp tham dự Hội nghị cấp cao Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Mỹ La-tinh tại nước này.

Các nguồn tin cho hay, rạng sáng 26-8, tên Posada và đồng bọn là Guillermo Novo, Pedro Remon và Gaspar Jimenez, đã lên một chiếc máy bay tư nhân để bay sang Miami, bang Florida (Mỹ), nơi cư trú của hơn nửa triệu người gốc Cuba. Tuy nhiên, cho đến tối 26-8, người ta vẫn chưa biết tung tích của Posada vì chỉ có ba tên đồng bọn tới Miami.

Posada là một trùm phản động và khủng bố khét tiếng, từng tham gia trong đội quân đánh thuê xâm lược Cuba năm 1961 ở bãi biển Hiron. Được đào tạo tại Mỹ về các hoạt động tình báo, sử dụng chất nổ và phá hoại, y tham gia nhiều tổ chức chống cộng và khủng bố của các nhóm Cuba lưu vong và có liên quan hoặc trực tiếp tham gia hàng loạt vụ khủng bố ở Cuba và các nước Mỹ La-tinh trong mấy chục năm qua.

Đặc biệt, Posada đã tham gia vụ đánh bom chiếc máy bay của Cuba trên bầu trời Barbados năm 1976, làm 73 người thiệt mạng. Y và đồng bọn cũng chủ mưu các vụ đánh bom một số khách sạn ở La Habana năm 1997, làm một du khách Italy thiệt mạng.

Trong tuyên bố ra chiều 26-8, chính phủ Cuba lên án bà Mireya đã đồng lõa với Mỹ và bọn maphia khủng bố ở Miami. Hành động của bà Mireya là một sự vi phạm luật pháp Panama và những thỏa thuận quốc tế về chống khủng bố mà Panama đã ký.

Chính phủ Cuba cũng tuyên bố từ 16 giờ 15 phút ngày 26-8, quan hệ ngoại giao giữa Cuba và Panama bị cắt đứt trong thời gian không xác định.

Cùng ngày 26-8, ông Samuel Lewis Navarro, Ngoại trưởng tương lai trong chính phủ của Tổng thống Panama đắc cử Martin Torrijos coi việc ân xá cho bọn khủng bố là "đàng tiếc" và hoàn toàn trái ngược với những gì bà Mireya đã tuyên bố. Ông khẳng định chính phủ mới ở Panama sẽ đảm phán để thiết lập lại quan hệ với Cuba sau vụ này.

Mặt trận Giải phóng dân tộc Farabundo Marti (FMLN) của El Salvador bày tỏ sự phản nộ và lên án việc Tổng thống Mireya ân xá cho bọn khủng bố. Nghị sỹ Chile, Juan Pablo Letelier lên án việc ân xá cho bọn này, trong đó có tên Guillermo Novo, người tham gia giết hại bố của ông là Orlando. Letelier cựu Ngoại trưởng trong chính phủ của Tổng thống Sai-vdor Allende năm 1976 tại Washington, là một việc làm thiếu thận trọng.

Các tổ chức đoàn kết với Cuba tại Venezuela và Phong trào Tiến lên CNXH (MAS) ở Bolivia cũng mạnh mẽ lên án việc ân xá cho những tên khủng bố nguy hiểm này.

Nhan Dan newspaper, 2 September 2004, accessed 2 September 2004 at <http://www.nhandan.com.vn/tinbai/?top=36&sub=47&article=14601>

**Cựu binh vì hòa bình tại Boston (Mỹ):  
Mở chiến dịch cứu trợ và trách nhiệm đối với nạn nhân  
chất độc da cam Việt Nam**

Bà Merler Ratner vừa gửi thư tới Hội Việt - Mỹ (Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị Việt Nam) thông báo: Đại hội của Tổ chức Các cựu chiến binh vì hòa bình tại Boston (Mỹ) đã quyết định mở "Chiến dịch cứu trợ và trách nhiệm đối với nạn nhân chất độc da cam Việt Nam".

Theo bà M.Ratner, chiến dịch này nhằm giáo dục cộng đồng về ảnh hưởng của chất độc da cam đối với người dân Việt Nam; gây quỹ ở Mỹ phục vụ nghiên cứu và chữa trị cho những nạn nhân da cam ở Việt Nam; đòi Chính phủ Mỹ có trách nhiệm bồi thường nạn nhân chất độc da cam của Việt Nam; gây dựng mối liên hệ và tăng cường tinh đoàn kết giữa những người bị ảnh hưởng chất độc hóa học trực tiếp và gián tiếp.

Dự kiến chiến dịch gây nguồn quỹ trị giá 100.000 USD và bắt đầu vào tháng 9-2004. Chiến dịch cũng sẽ tập hợp một triệu chữ ký đòi Chính phủ Mỹ phải có trách nhiệm trong việc hàn gắn vết thương, thông qua việc tài trợ cho nghiên cứu và điều trị các bệnh liên quan đến chất độc da cam.

Chiến dịch sẽ có sự tham gia của mọi thành phần trong xã hội Mỹ, tất cả những người có lương tri phản đối chiến tranh, yêu chuộng hòa bình, công lý. Một tuyên bố chung công khai về chiến dịch và chương trình hành động sẽ được thông qua và bầu ra một ủy ban quốc gia chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức và tài trợ cho chiến dịch.

Theo *Tuổi trẻ*

Nhan Dan newspaper, 9 September 2004, accessed 10 September 2004 at <http://www.nhandan.com.vn/tinbai/?top=37&sub=50&article=14947>

Cập nhật 13:25 ngày 09-09-2004



## **Người tham gia rải chất độc hóa học của Mỹ ở Việt Nam: Sẵn sàng làm nhân chứng**



*Ông Mai Giảng Vũ trước chuyến đi rải chất khai quang của Mỹ tại Thiện Ngôn, Tây Ninh.*

**Ông là Mai Giảng Vũ, lính của chế độ cũ, từng tham gia rải chất độc hóa học của Mỹ ở Việt Nam. Và nỗi đau, niềm day dứt, oán hận chiến tranh mãi đeo đẳng cuộc đời ông khi ba con trai của ông lần lượt qua đời bởi di chứng của chất độc này...**

### **Nhật ký những chuyến đi**

"Năm 1958-1959 tôi đi quân dịch dưới chế độ Ngô Đình Diệm. Sau đó một năm, tôi trốn về phụ việc cho nhà sĩ Trần Văn Thái - chú bà Trần Lệ Xuân, vợ của Ngô Đình Nhu.

Năm 1965, ông Thái đi xuất ngoại, tôi chơi với vì rơi vào diện trốn tái ngũ. Năm 1966 nhờ quen biết, tôi xin vào khu quân sự Long Bình của Mỹ, làm thư ký cấp phát hàng, quản lý kho vũ khí, nhận và xuất vũ khí, hóa chất.

Nhờ có xe Mỹ đón đưa nên không ai bắt tôi. Nhưng đến năm 1968 tôi bị bắt. Họ đưa tôi vào sư đoàn 25 (tiểu đoàn 350/25 bộ binh) Long An. Nhờ biết tiếng Anh, người ta cho tôi làm thông dịch.

Vào một đêm, tôi đi cùng ba lính Mỹ được trang bị M79, đeo mặt nạ. Riêng ba người kia sau lưng còn đeo thùng sơn màu đen kèm với vòi xịt, có những dây quần wóng quanh. Tôi được giao yểm trợ họ bơi qua sông xịt thuốc.

Trong thâm tâm, tôi đinh ninh họ đang làm công việc như những chuyên viên y tế xịt thuốc sát trùng như mọi khi. Đơn vị tôi đóng gần đó. Chỉ tuần sau quay trở lại tôi thấy những đầm dừa nước nơi đây đã tàn lụi.

Làm thông dịch thêm mấy tháng, bên không quân tuyển người, tôi xin sang đội "cơ khí và vũ khí trực thăng". Tôi ký hợp đồng "vũ khí phi hành".

Họ đưa tôi ra Nha Trang học ba tháng. Sau đó tôi được bổ sung vào phi đoàn 221, sư đoàn 3 không quân Biên Hòa, tham gia các phi vụ đổ quân, cứu thương, tiếp tế..., đa số là đi đổ quân, biệt kích.

Tháng 4-1971, đi phi vụ cho Mỹ tại khu rừng tây bắc Thiện Ngôn, tỉnh Tây Ninh. Phi hành đoàn tôi tham gia gồm ba người, trong đó hai phi công Mỹ, tôi là người sửa chữa kỹ thuật.

Tôi được thông báo chuyến bay này sẽ đi thăm tiền đồn ở Củ Chi, nhưng lính Mỹ đã quăng lên máy bay những thùng có đai bằng ni-lông, mã số đề gì không rõ, có dấu chéo, cảnh báo "dangerous" (nguy hiểm) và hình xương sọ.

Đầu thùng có dây rất mỏng manh, móc vào khoen. Máy bay cắt cánh ở cao độ 1-2km. Tôi được giao nhiệm vụ đến địa điểm nào chúng hô "hot" (tiếng lóng) thì tôi phải đập nắp thùng bật ra để chất bột trong thùng bay tung tóe khắp nơi.

Tuần sau khi chờ phái đoàn báo chí đi thăm chiến trường Campuchia, ngang qua khu rừng này tôi đã giật mình khi thấy cánh hoang tàn kỳ lạ, những cây cổ thụ cao chót vót cũng trụi lá cánh, cỏ tranh chết không còn một vạt...

Cảm giác lo âu, ray rứt tội lỗi mơ hồ đã xuất hiện trong tôi. Tôi dò hỏi đó là chất gì mà có tác động nhanh và ghê gớm như vậy, nhưng chỉ được trả lời là chất diệt cỏ.

Tôi tiếp tục bị điều đi. Tại Lộc Ninh thả ba thùng, tại ngã ba Kreck ở Campuchia cũng đập ba thùng... Tôi nhận ra danh nghĩa mà người Mỹ nói trong mỗi chuyến bay đều không trung thực, nói đi thăm tiền đồn nhưng thực chất là thả đạn được, biệt kích.

Tôi có báo cáo cấp trên nhưng họ không quan tâm. Khi xong phi vụ, phía lính Mỹ cô thảo luận báo cáo tại sân bay Biên Hòa nhưng họ ngắt bộ đàm vô tuyến, không cho tôi nghe. Một thời gian sau, tôi bị rút máy bay cách tây bắc Thiện Ngôn, Tây Ninh khoảng 10 phút bay, may mà tôi thoát chết.

Sau đó họ chuyển tôi sang thực hiện những chuyến đi bắn. Tôi bảo không có sức khỏe vì thật lòng rất sợ hãi chuyện bắn giết, chỉ muốn tham gia đổ quân.

Năm 1972, tôi được sang Hoa Kỳ học khóa "hàng rào điện tử" ở tiểu bang Florida, song đó cũng là thời điểm chuẩn bị ký hiệp định Paris nên ba tháng sau họ cho tôi về nước. Tháng 8-1972, họ đẩy tôi ra Đà Nẵng vào phi đoàn 239 sư đoàn 1 không quân Đà Nẵng.

Tôi lại được phân vào các phi vụ rải chất khai quang tại các khu rừng ở Quế Sơn (Quảng Nam), Mộ Đức, Hậu Nghĩa (Quảng Ngãi). Trong cuộc hành quân tái chiếm quận Ba Tơ, Quảng Ngãi, năm 1973 tôi bị thương. Một năm sau vào tháng 2-1974, tôi được giải ngũ".

### **Nỗi đau 20 năm và mãi mãi**

Ông Mai Giảng Vũ lập gia đình từ năm 1965, có hai cô con gái trước khi bị bắt lính. Vào lính, trong thời gian liên tục thực hiện các phi vụ rải chất khai quang, ông có thêm ba người con trai tên Mai Giảng Vinh, Mai Thế Quang và Mai Thế Huy sinh các năm 1970, 1973, 1975.

Ông xót xa kể: "Các cháu đẻ ra cũng bình thường, khi đẻ toán hơn 3,5kg, nhưng cháu nào học đến lớp 3 đều không thể đi lại được.

Triệu chứng cả ba đều y nhau, mới đầu đi liễng xiễng, sau đó ưỡn ngực, té lên té xuống, vịn tường đi, không vịn được chúng phải lét đi, sau đó ngồi không vững, 15 tuổi bắt đầu nằm một chỗ.

Đầu óc vẫn bình thường nhưng teo cơ, ép chân tay không còn cảm giác gì cả. Ăn thì cổ họng teo, thực quản hẹp. Ăn uống cũng phải đút từng muỗng. 23 tuổi hai đứa chết, đứa sau thì hơn anh nó vài năm nữa”.

Hàng xóm cũng kể rằng, gia đình ông Vũ đã đi khắp nơi chạy chữa nhưng đều nhận được những cái lắc đầu.

Trong căn nhà xiêu vẹo mỗi lần mưa là ngập hơn nửa mét, người ta từng chứng kiến ba đứa con ông nằm còng queo, chốc chốc thay nhau rên la “hử... huh”, người cha hết xoa bóp, trở mình cho đứa này lại đến đứa khác.



*Từ năm 1980 - 2000 ông lần lượt chứng kiến cả ba đứa con trai bản thân bất toại rồi ra đi.*

Từ năm 1980 - 2000 ông lần lượt chứng kiến cả ba đứa con trai bản thân bất toại rồi ra đi. Mỗi đứa chết cách nhau khoảng ba năm, đứa cuối chết đúng ngày mùng 3 tết năm 2000.

Người mẹ tào tàn cũng chết cả tim gan, bà nói trong nước mắt:

“Đứa đầu lết thì đứa kế tiếp đã không đứng được, đứa kế tiếp bắt đầu đi xiêu vẹo, vài năm sau là cả ba anh em nằm một chỗ.

Tôi đi bán xôi chạy chợ lo mỗi ngày 50.000 đồng tiền thuốc men, còn cha nó phải ở nhà phục vụ chăm sóc chúng. Tôi rút ruột để ra mà sao chúng phải khổ sở mãi cho đến chết. Lúc sắp chết nó thèm lỵ nước mĩa mà cổ họng teo lại không làm sao bòn cho con uống được”.

Chị Nguyễn Thị Huệ, phụ trách lao động - thương binh và xã hội phường 9, quận 11, cho biết: “Không chỉ oán hận chiến tranh, ông Vũ cứ mãi tự vấn lương tâm rằng gieo nhân nào gặp quả đó. Ông tâm sự với tôi khi ông thực hiện những phi vụ rải chất hóa học, ông đâu biết mức độ tàn phá như bây giờ. Ông thấy mình có tội, lương tâm cứ bị dằn vặt hoài”.

Lá người hàng xóm và phụ trách Hội Chữ thập đỏ, xóa đói giảm nghèo của phường, chị Diệu Cần cũng chia sẻ với gia đình ông Vũ nhiều năm qua: “Hoàn cảnh gia đình ông Vũ khó khăn lắm, thuộc diện xóa đói giảm nghèo của phường, chúng tôi cũng rất đau lòng, tìm cách giúp đỡ nhưng cũng không được là bao...”.

Đưa chúng tôi xem lại những bức ảnh các con, ông Vũ nói với giọng căm phẫn: “Tôi cũng theo dõi thông tin, có ông đồ đốc Mỹ cũng đưa con tham gia chiến tranh Việt Nam, rồi cháu ông ấy cũng ảnh hưởng... Còn tôi đã bị cái chất chết tiệt đó xâm nhập vào cơ thể gây ra nỗi đờn đau cho những đứa con tôi.

Tiền bạc bao nhiêu cũng không vơi đi sự đau khổ, mất mát. Nếu cần nhân chứng, tôi sẵn sàng đứng ra tường trình từng phi vụ. Tôi sẵn sàng kể lại. Tha lỗi cho tôi và xin chia sẻ với những gia đình có các con như tôi...

Tôi mong mọi người trong nước cũng như nước ngoài luôn ủng hộ để những nạn nhân đòi công lý. Tôi đã bị lừa dối và làm hại đến đồng bào. Không gì có thể làm vơi đi nỗi ân hận này."

Theo *Tuổi trẻ*

## Những người tham gia viết "Cách đánh B52" kể lại

**Trước khi thực hiện cuộc tập kích chiến lược bằng B52 năm 1972, giới quân sự Mỹ rất yên tâm về khả năng bất khả chiến bại của máy bay B52. Nhưng quân và dân ta đã tìm ra những điểm yếu của B52, sử dụng chiến thuật thích hợp bắn rơi "pháo đài bay" tại chỗ. Thiếu tướng Trần Thúc Vân và Đại tá Chu Thái, những người góp phần hoàn thiện cách đánh B52, kể lại.**

Đại tá Chu Thái (nguyên Trưởng phòng Khoa học công nghệ Quân chủng phòng không - Không quân) kể: Khi được giao nghiên cứu về máy bay B52, tôi đọc một số tài liệu thì B52 được miêu tả rất khủng khiếp: Cao 12m, dài 49 m nặng 200 tấn, 8 động cơ, mang trên mình 100 quả bom, có thể thả bom chính xác từ độ cao 9-11 km. Báo chí Mỹ rêu rao: "Chỉ cần ba chiếc B52 rải thảm trong một khu vực 3 km<sup>2</sup> thì không có một sinh vật nào sống sót. B52 trút bom như mưa, tiếng rít tiếng gào của bom đã đủ làm cho mọi người khiếp đảm, đối phương bị hủy diệt về công sự, khiếp đảm về tinh thần và cảm thấy hoàn toàn bất lực bởi sức mạnh không có cách nào chống đỡ nổi". B52 có tầm bay để cất bom chính xác từ 9-11 km nên các loại pháo và súng phòng không của ta không thể bắn tới, chỉ có tên lửa mới đủ tầm bắn. Nhưng giới quân sự Mỹ rất tin vào khả năng "làm mù mắt" bộ đội tên lửa của ta với môi trường nhiễu điện tử rất hoàn hảo do hệ thống nhiễu điện tử của B52 và các máy bay hộ tống tạo ra. Mỗi chiếc B52 có đến 15 máy gây nhiễu tích cực và 2 máy gây nhiễu tiêu cực. Khi tác chiến, B52 còn được các máy bay chuyên gây nhiễu như EB66, EB121 và một tốp máy bay tiêm kích, cường kích hộ tống. Mỗi tốp máy bay hộ tống cũng được bố trí hệ thống nhiễu điện tử giống như của B52. Vì vậy trên màn hình quan trắc rất khó phân biệt đâu là giải nhiễu của B52 thật, đâu là giải nhiễu của B52 giả. Ngoài ra, máy bay Mỹ còn được trang bị loại tên lửa có thể tìm mục tiêu theo sóng ra đa. Lực lượng quân sự Mỹ còn rêu rao, tên lửa này có khả năng "nhớ", nghĩa là khi đã bắt được sóng ra đa dù đối phương có ngừng phát sóng thì tên lửa Strike vẫn có khả năng đánh trúng địa điểm phát sóng. Với những tính năng như vậy, B52 được mệnh danh là "Pháo đài bay" bất khả xâm phạm, là một trong bộ ba vũ khí chiến lược của quân đội Mỹ khi đó cùng với tên lửa chiến lược và tàu ngầm nguyên tử.

Tính đến tháng 10-1972, lực lượng máy bay chiến lược B52 ở hai căn cứ Guam và Utapao đã lên tới 193 chiếc với 193 tổ lái, chiếm 50% lực lượng B52 của toàn nước Mỹ. Trước sự lộn xộn của chính quyền Nixon tại Hội nghị Paris vào các nguồn thông tin về động thái của quân đội Mỹ, càng khẳng định nhận định: Địch sẽ sử dụng con bài cuối cùng là tập kích chiến lược bằng B52 vào Hà Nội, Hải Phòng và nhiều thành phố khác của ta để đánh đòn quyết định, tạo thế và ép ta trên bàn đàm phán.

Một trong những vấn đề quan trọng lúc đó là phải hoàn thiện "cách đánh B52". Từ ngày 30-10 đến 2-11-1972, Bộ Tư lệnh quân chủng PK-KQ tổ chức Hội nghị rút kinh nghiệm bàn về cách đánh B52 cho bộ đội tên lửa tại Hòa Mục. Các đồng chí Lê Văn Tri (Tư lệnh), Hoàng Văn Khánh (Phó Tư lệnh), Hoàng Phương (Chính ủy) và Nguyễn Xuân Mậu (Phó Chính ủy) thay nhau chủ trì. Năm 1969, quân chủng PK- KQ đã có cuốn tài liệu "Cách đánh B52" (còn gọi là "Cách đánh B52 bia xanh") do Phóng quân báo, Tác huấn tên lửa, khoa học quân sự chủ biên,

Đúc kết từ nhiều nguồn tài liệu như: Kinh nghiệm của bộ đội tên lửa trực tiếp trên chiến trường qua các trận đánh, lời khai của phi công địch, nghiên cứu tính năng khí tài của địch của các đơn vị khoa học quân sự. Đây là một tài liệu quan trọng giúp bộ đội tên lửa, từ 9-1967 đến 10-1972 bắn hạ 23 chiếc máy bay. Nhưng có một thực tế là chưa có chiếc nào rơi tại chỗ. Tại cuộc hội nghị này, Tư lệnh binh chủng Lê Văn Tri thông báo lệnh của Đại tướng Tổng Tư lệnh cho quân chủng: "Mọi vấn đề khác tạm gác lại, tập trung mọi nỗ lực nâng cao trình độ đánh B52 cho bộ đội. Vận dụng linh hoạt các cách đánh, cách bám sát để đánh rơi B52 tại chỗ". Bộ Tham mưu quân chủng đã cử một tổ gồm phóng khoa học quân sự, tác huấn tên lửa quân báo vào Trung đoàn 263 để rút kinh nghiệm bổ sung cho tài liệu "Cách đánh B52 bia xanh".

Thiếu tướng Trần Thúc Văn (nguyên Viện trưởng Viện Khoa học kỹ thuật quân sự) nhớ lại: Với suy nghĩ, dù khí tài của địch có hiện đại đến mấy cũng có những điểm yếu, viện Khoa học kỹ thuật Quân sự trên cơ sở nghiên cứu các khí tài thu được của địch đã đưa ra nhận định: Hệ thống nhiễu điện tử của B52 không phải hoàn hảo, trên thực tế B52 không thể tạo ra cường độ nhiễu mạnh như nhau ở mọi hướng mà cũng có điểm cường độ của nó yếu hơn, các nhà khoa học gọi là "vùng mù", ở những vùng đó màn hình ra đa vẫn "tóm" được B52. Tên lửa Strike cũng không có tính năng nhớ như địch rêu rao và trong môi trường bị nhiễu, loại tên lửa này không thể phóng chính xác.

Theo tài liệu của Đại tá Chu Thái (hiện Đại tá Chu Thái đang viết sử về Binh chủng PK-KQ): Trên thực tế các trận đánh B52 của bộ đội tên lửa nhận thấy: Khi B52 ngoài cự ly 32 km thì ra đa các loại của ta bị nhiễu rất nặng, không thể nhìn thấy máy bay trên màn hình. Nhưng khi vào gần hoặc bay ngang bay chéo lại có thể nhìn thấy B52 trên màn hình. Đại tá Chu Thái đã từng vào nghiên cứu thực địa tại chiến trường Bình Trị Thiên và Đường 9 Nam Lào cũng nhận thấy như vậy. Từ lời khai của phi công Mỹ và các tài liệu khác, ta đã biết việc bố trí hệ thống gây nhiễu của máy bay B52. Do hệ thống gây nhiễu của B52 được bố trí để tập trung nhiễu từ phía trước nên ở cự ly khoảng 32 km thì tâm nhiễu điện tử dọi thẳng vào giữa ra đa nên hầu như trên màn hình ra đa không nhìn thấy gì, nhưng khi chúng bay vào gần hơn hoặc bay chéo, ngang với ra đa thì mức độ nhiễu giảm và có thể nhìn thấy B52 trên màn hình. Điều này đã giúp bộ đội tên lửa bố trí đội hình đánh vào "sườn" là những điểm yếu của B52.

Vận dụng các kiến thức khoa học với kinh nghiệm tác chiến trên chiến trường, bộ đội ta đã có cách để phân biệt được chúng. Ngay trong đêm 18-12-1972 bộ đội tên lửa đã bắn rơi tại chỗ chiếc máy bay B52 đầu tiên.

Trong dịp kỷ niệm 30 năm chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không", tài liệu "Cách đánh B52" đã được công bố. Cuốn tài liệu được dư luận thế giới hết sức quan tâm, bởi rất nhiều người đặc biệt là các phi công Mỹ vẫn không hiểu tại sao quân đội Việt Nam lại có thể bắn rơi nhiều B52 trên bầu trời Hà Nội như vậy.

*Theo Gia đình và xã hội*

Nhan Dan newspaper, 27 January 2005, accessed 27 January 2005 at <http://www.nhandan.com.vn/tinbai/?top=36&sub=47&article=24633>

## **Đoàn cán bộ Quân khu 4 gặp tai nạn trên đường đi công tác**

---

TTXVN. - Ngày 26-1, Đoàn cán bộ Quân khu 4 trên đường đi kiểm tra công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu của một số đơn vị trên địa bàn Quân khu, máy bay lên thẳng quân sự chở Đoàn đã gặp tai nạn.

Đồng chí Trung tướng Trương Đình Thanh, Tư lệnh Quân khu; Thiếu tướng Nguyễn Bà Tuấn, Phó Tư lệnh, Tham mưu trưởng Quân khu và các thành viên trong Đoàn đã hy sinh.

Bộ Quốc phòng đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan khẩn trương khắc phục hậu quả và xác định nguyên nhân tai nạn.

## **Tóm tắt tiểu sử Trung tướng Trương Đình Thanh**

---

Trung tướng Trương Đình Thanh, Phó Bí thư Đảng ủy Quân sự Quân khu 4, Tư lệnh Quân khu 4, sinh ngày 8-12-1944 tại xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, trú quán tại phường Trường Thi, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

Nhập ngũ tháng 2-1961; tháng 10-1964 được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

Năm 1961, ông được cử đi đào tạo tại Trường Quân sự Quân khu 4.

Từ năm 1962 đến năm 1975, ông giữ các chức vụ tiểu đội trưởng, trung đội trưởng, đại đội trưởng, tiểu đoàn trưởng, trung đoàn phó, trung đoàn trưởng Trung đoàn 6, Thừa Thiên-Huế.

Từ năm 1976 đến 1980, ông được cử đi đào tạo tại Học viện Lục quân và Học viện Quốc phòng.

Từ năm 1981 đến 1984, giữ các chức vụ Sư đoàn phó Sư đoàn 324, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 342, Quân khu 4.

Năm 1985, ông được cử đi đào tạo tại Học viện Phrun-de, Liên Xô.

Từ năm 1986 đến 1994, giữ các chức vụ Tham mưu phó, Tham mưu trưởng Quân khu 4.

Năm 1995, ông được cử đi học lớp lý luận chính trị cao cấp tại Học viện Chính trị Quân sự.

Từ tháng 7-1995, giữ chức Phó Tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng và Phó Tư lệnh Quân khu 4.

Từ tháng 2-2002 đến nay giữ chức Tư lệnh Quân khu 4.

Ông đã được Đảng và Nhà nước thăng quân hàm Thiếu tướng năm 1992, Trung tướng năm 2003.

Do công lao cống hiến, Trung tướng Trương Đình Thanh đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng ba; Huân chương Quân công hạng ba; Huân chương chiến công hạng nhất, hạng nhì và hạng ba; Huân chương Chiến công Giải phóng hạng nhì, hạng ba; Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng nhì; Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; Huân chương Chiến sĩ Giải phóng hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.

## **32 năm ký Hiệp định Paris (27-1-1973 - 27-1-2005): Hội nghị Paris và ba cú thối sơn**



*Vợ chồng ông Võ Văn Sung tiếp bạn bè  
tại nhà.*

**Hội nghị Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (từ 1968 đến 1973) là hội nghị dài nhất thế kỷ 20. Từ đây rút ra biết bao bài học kinh nghiệm về đấu tranh ngoại giao của Đảng và nhà nước ta. Ông Võ Văn Sung, một trong năm thành viên chính thức của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tham dự ký Hiệp định Paris, đã có cuộc trò chuyện nhằm làm rõ thêm cuộc đấu trí ấy.**

*- Xin chúc ông vui, khoẻ, trường thọ! Sau 32 năm ký Hiệp định Paris, ông là người duy nhất của đoàn Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa còn đến hôm nay. Ông có thể cho biết những sự kiện chính dẫn tới việc ông được cử tham gia Đoàn.*

- Tháng 3-1968, sau khi Tổng thống Mỹ Johnson tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam, từ vĩ tuyến 20 trở ra và yêu cầu đàm phán Việt - Mỹ, tôi đang là Phó vụ trưởng Vụ châu Âu Bộ Ngoại giao.

Chính phủ ta sẵn sàng đàm phán với Mỹ, nhưng ngồi họp ở đâu là vấn đề lo tính của cả hai phía. Lúc đầu ta đưa ra hai địa điểm Warsaw (Ba Lan) và Phnom Penh (Cam-pu-chia), họ không chịu. Tôi đề xuất họp ở Paris, anh em trong Vụ bàn bạc đều nhất trí, coi là phương án tối ưu. Sau đó tôi biết một số đồng chí trong Bộ Chính trị cũng đã tính đến phương án này, nên khi tờ trình của chúng tôi gửi lên, được chấp nhận ngay. Tôi lại nhận nhiệm vụ trao đổi vấn đề này với Tổng đại diện Pháp tại Hà Nội trước khi Đài Tiếng nói Việt Nam công bố với thế giới. Chính phủ Pháp được tin, rất vui, liền công bố nhất trí đồng ý cai Hội nghị.

Trong khi Mỹ chưa có ý kiến chính thức, nghe Pháp thông báo cũng bị động nhưng sau đó đồng ý với đề nghị của ta. Lúc đó, tôi được điều về Vụ Bắc- Mỹ 2. Vụ này thực chất là cơ quan tham mưu giúp việc cho cuộc đấu tranh ngoại giao với Mỹ trên bàn Hội nghị Paris.

Ngày 25-1-1969 họp phiên thứ nhất của bốn bên: Việt Nam dân chủ cộng hòa (VNDCCH), Mặt trận dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam, Mỹ, Việt Nam Cộng hòa. Những cuộc họp này vẫn chỉ bàn về thủ tục, nguyên tắc, chưa đi vào thực chất vì tức lượng quân sự của ta trên chiến trường chưa đủ mạnh.

Cuối năm 1970, đồng chí Lê Đức Thọ nói với tôi: ông qua Pháp với tôi, sắp có chuyển biến lớn trên chiến trường, cuộc họp khẩn trương bàn vào thực chất, dứt điểm! Thế là tôi được cử làm Tổng đại diện Chính phủ VNDCCH tại Pháp nhưng thực chất là thành viên chính thức của Đoàn đại biểu Chính phủ ta đàm phán tại Paris.

**- Thắng lợi của Hội nghị Paris là sự phối hợp chặt chẽ giữa ba mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao của Đảng ta. Ông có thể cho biết cụ thể hơn về sự phối hợp này?**

- Tôi coi đây không chỉ là sự phối hợp mà là một sáng tạo đặc biệt của Đảng ta, cần đúc kết những kinh nghiệm quý báu, nâng lên thành nghệ thuật chính trị, quân sự, ngoại giao. Trong lịch sử thế giới, vừa đánh vừa đàm đã có nhiều nhưng thường xảy ra là nước mạnh hơn đánh nước nhỏ yếu hơn rồi đàm để bắt buộc nước yếu đầu hàng, chấm dứt chiến tranh: hoặc hai bên ngang thế lực, không phân thắng bại, phải đàm để hoãn binh chi kế". Còn đánh và đàm như ở Hội nghị Paris thì chưa từng có trên thế giới. Việt Nam - một nước nhỏ chống lại nước lớn mạnh hơn mình nhiều lần mà ngồi vào bàn đàm phán lại luôn ở thế không lép vế và cuối cùng đưa đến ký kết hội nghị giành phần thắng về mình, buộc nước lớn phải rút quân không điều kiện.

Tôi muốn nói rõ hơn cái nét đặc biệt trong mối quan hệ quân sự, chính trị, ngoại giao ở hội nghị Paris. Thường thì "cái gì không giành được trên chiến trường thì cũng không giành được trên bàn hội nghị". Nghĩa là quân sự luôn là quả đấm quyết định trên bàn đàm phán. Thực tế (đàm phán thể hiện rất đa dạng, độc đáo mối quan hệ này. Mặt trận ngoại giao không chỉ phản ánh cục diện chiến trường mà còn phát huy thắng lợi của quân sự và, tạo thêm thế và lực cho quân sự, làm thay đổi so sánh lực lượng trên chiến trường. Bằng đấu tranh ngoại giao chúng ta tạo cho nhân dân Mỹ và thế giới biết rõ cuộc chiến tranh phi nghĩa do Mỹ gây nên ở Việt Nam, tạo nên sức mạnh tổng hợp buộc Mỹ phải rút quân. Bởi vậy, trên bàn đàm phán, cứ vài tháng lại xuất hiện tuyên bố của tổng thống Mỹ về việc rút quân nhỏ giọt trên chiến trường Việt Nam nhằm trấn an dư luận Mỹ và thế giới. Nhờ vậy, chúng ta đã từng bước làm thay đổi so sánh lực lượng quân Mỹ trên chiến trường, có lợi cho ta.

Chúng ta có ba quả đấm: Quân sự, chính trị, ngoại giao, nhưng sử dụng từng quả đấm ở những thời điểm thích hợp và hỗ trợ cho nhau rất hiệu quả. Trên nền tảng đấu tranh chính trị và quân sự, ta đã buộc Mỹ ngồi vào bàn đàm phán. Khi thắng trận "Điện Biên Phủ trên không", ta đã dùng quả đấm quân sự quyết định, buộc Mỹ ký Hiệp định Paris. Khi ký rồi, quả đấm ngoại giao và chính trị lại phát huy tác dụng, đòi chúng ta hành nghiêm chỉnh Hiệp định, đấu tranh thống nhất nước nhà.

**- Theo ông tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt trong quá trình đàm phán là gì?**

- Là tư tưởng Hồ Chí Minh "đĩ bất biến, ứng vạn biến". Đó chính là nghệ thuật trong đấu tranh ngoại giao của Đảng ta. Cái thuật trong đàm phán ở Paris là "vạn biến" nhưng cái "bất biến" là không thể rút lực lượng quân đội (từ phía bắc vào) ra khỏi miền nam và; phải bảo vệ cách mạng miền nam.

Trên bàn đàm phán, Mỹ-ngụy muốn duy trì ở miền nam một chính phủ và một lực lượng đối lập kiểm soát các vùng giải phóng. Chúng cố tình không thừa nhận Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền nam Việt Nam. Nhưng qua đấu tranh khôn khéo của ta, cuối cùng buộc chúng phải chịu nhận: Hai chính quyền, hai vùng kiểm soát song song tồn tại.

Cái "vạn biến" của ta còn thể hiện ở chỗ: Chính phủ VNDCCH và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tuy hai mà một, nhưng có lúc tuy một mà hai. Nếu chúng ta thể hiện quá rõ mối quan hệ này đều bất lợi. Cái tài của Đảng ta là thể hiện dưới dạng nào, vào lúc nào? Ông Phạm Văn Ba danh nghĩa là đại diện phái đoàn thường trực của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam nhưng thực chất ông là Phó bí thư, tôi là Bí thư

Ban cán sự chỉ đạo phong trào Việt kiều ở nước ngoài. Hai đoàn của ta dù lập luận, đấu tranh như thế nào nhưng đều thể hiện rõ sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng ta-Đảng Cộng sản Việt Nam.

**- Có câu chữ nào trong Hiệp định mà ta phải đấu tranh gay gắt?**

- Gay gắt nhất là câu đầu trong chương 1, điều 1 của Hiệp định. "Hoa Kỳ phải tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam...". Mỹ không chịu. Họ nói: Bỏ chữ "thống nhất" đi. Chúng tôi không thể tôn trọng cái mà Việt Nam chưa có. Ta đành chấp nhận, lùi một bước. Chúng lại lập luận: Nếu nói "Hoa Kỳ phải tôn trọng..." thì hoá ra bấy lâu nay Hoa Kỳ vi phạm, giống như bản án với Hoa Kỳ? Đề nghị viết là: "Các bên tham gia Hội nghị tôn trọng...". Ta phản ứng ngay: Chẳng lẽ lại yêu cầu Việt Nam phải tôn trọng Việt Nam... Và cuối cùng các bên chấp nhận là: "Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng..." nhưng Mỹ đề nghị đưa điều này xuống chương 4. Ta lập luận: "Tôn trọng độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ là vấn đề nguyên tắc, là nền tảng của Hiệp định, phải để ở chương 1". Họ đuối lý, không thể nói khác được.

Sau khi ký, Kissinger thăm Việt Nam. Nhìn dòng chữ "Nam quốc sơn hà, Nam đế cư..." trong bảo tàng tại Hà Nội, Kissinger hài hước nói: "Hình như tôi nghe câu này ở đâu rồi? À, điều 1, chương 1 Hiệp định Paris...". Đến khi nghe giới thiệu về những cọc gỗ Bạch Đằng, nghe chuyện Ngô Quyền đánh quân Nam Hán một trận, Trần Hưng Đạo đánh quân Nguyên Mông 2 trận, Kissinger chăm chú nghe, tỏ vẻ khâm phục. Đồng chí Lê Đức Thọ hỏi nhỏ: "Mỹ có định đánh Việt Nam ba lần không?" Kissinger vội chấp hai tay nói nhanh: "Thôi thôi, tôi xin ông, một lần quá đủ rồi!".

**- Xin cảm ơn ông.**

**Theo Quân đội nhân dân**